

GIẤY MỜI

Thực hiện Giấy mời 676-GM/TU, ngày 01/11/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; trân trọng kính mời các đồng chí dự Hội nghị trực tuyến toàn tỉnh.

I. Nội dung

- (1) Công bố các quyết định về công tác cán bộ.
- (2) Quán triệt, triển khai nội dung chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.
- (3) Quán triệt kết luận chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm - Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tại Cuộc họp Thường trực Ban Chỉ đạo ngày 30/10/2024.
- (4) Quán triệt Quy chế bầu cử trong Đảng (ban hành theo Quyết định số 190-QĐ/TW, ngày 10/10/2024 của Ban Chấp hành Trung ương).
- (5) Quán triệt, triển khai việc đánh giá phân loại tổ chức đảng và cán bộ đảng viên năm 2024.

II. Thành phần, kính mời

- 1. Tại điểm cầu của huyện** (Hội trường Huyện ủy - Ủy ban nhân dân huyện).
 - Đồng chí Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy - Chủ trì.
 - Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện (khóa IV), nhiệm kỳ 2020 - 2025 (đang công tác tại các phòng ban của huyện),
 - Các đồng chí Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy,
 - Trưởng các phòng ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện,
 - Bí thư, Phó Bí thư các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Huyện ủy (đang công tác tại khu vực trung tâm hành chính huyện).
- 2. Tại điểm cầu các xã** (Hội trường Đảng ủy - Ủy ban nhân dân xã).
 - Đồng chí Bí thư Đảng ủy xã - Chủ trì.
 - Đồng chí Phó Bí thư Đảng ủy, Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã,
 - Đồng chí Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND các xã,

- Trưởng Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; các chức danh công chức cấp xã,
- Bí thư các chi bộ trực thuộc Đảng ủy xã,
- Hiệu trưởng các trường phổ thông trung học đóng trên địa bàn.

III. Thời gian: Vào lúc 08 giờ 00', ngày 02 tháng 11 năm 2024 (thứ Bảy).

*** Ghi chú: Đề nghị các địa phương, cơ quan, đơn vị lưu ý:**

- Các đại biểu tại các điểm cầu đi đúng giờ (có mặt từ 07 giờ 45' để ổn định tổ chức), tham dự đầy đủ, không sử dụng điện thoại và giải quyết việc riêng trong suốt thời gian diễn ra Hội nghị.

- Giao đồng chí Bí thư Đảng ủy các xã chủ trì tại các điểm cầu, chỉ đạo quản lý số lượng đại biểu tại điểm cầu của mình để đảm bảo Hội nghị nghiêm túc, đầy đủ, hiệu quả.

- Viễn thông Đam Rông, Điện lực Đam Rông đảm bảo các điều kiện kỹ thuật để phục vụ Hội nghị. Văn phòng Huyện ủy cử cán bộ phối hợp với cán bộ kỹ thuật của Viễn thông, Đảng ủy các xã kiểm tra, kết nối và chạy thử đường truyền.

- Phông Hội nghị tại điểm cầu các xã ghi tên (Đảng ủy xã....); nội dung tiêu đề Hội nghị chỉ thể hiện tại điểm cầu Hội trường Tỉnh ủy.

- Giao Ban Tuyên giáo Huyện ủy kiểm tra số lượng, thành phần đại biểu tham dự Hội nghị tại các điểm cầu tổng hợp báo cáo Thường trực Huyện ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

Nơi nhận:

- Như thành phần mời,
- Ủy ban nhân dân huyện,
- Đảng ủy các xã,
- Điện lực Đam Rông,
- Viễn thông Đam Rông,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG**

Nguyễn Hoàng Mai

GIẤY MỜI

Trân trọng kính mời các đồng chí dự Hội nghị trực tuyến toàn tỉnh:

I. Nội dung:

(1) Công bố các quyết định về công tác cán bộ.

(2) Quán triệt, triển khai nội dung chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

(3) Quán triệt kết luận chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm - Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tại Cuộc họp Thường trực Ban Chỉ đạo ngày 30/10/2024.

(4) Quán triệt Quy chế bầu cử trong Đảng (ban hành theo Quyết định số 190-QĐ/TW, ngày 10/10/2024 của Ban Chấp hành Trung ương).

(5) Quán triệt, triển khai việc đánh giá phân loại tổ chức đảng và cán bộ đảng viên năm 2024.

II. Chủ trì Hội nghị: Đồng chí Nguyễn Thái Học, Quyền Bí thư Tỉnh ủy.

III. Thành phần tham dự, địa điểm tổ chức

1. Tại Hội trường Tỉnh ủy

- Các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
- Các đồng chí lãnh đạo các Vụ của Ban Đảng Trung ương theo dõi địa bàn Lâm Đồng.
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.
- Cấp trưởng, cấp phó (*phụ trách*) các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.
- Cấp phó: Các ban của Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy.
- Cấp trưởng, cấp phó: Các ban của HĐND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Ban Dân tộc tỉnh.
- Bí thư thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy.
- Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố.
- Trưởng Ban Tổ chức các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy.
- Các đồng chí Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.
- Các đồng chí báo cáo viên cấp tỉnh (theo Quyết định số 156-QĐ/TU, ngày 21/01/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy).

- Trưởng, phó phòng, chuyên viên chính các ban của Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy.

2. Tại điểm cầu Công an tỉnh

- Các đồng chí Phó Giám đốc Công an tỉnh - Chủ trì.
- Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Công an tỉnh.
- Bí thư, Phó Bí thư các Đảng bộ trực thuộc, Chi bộ trực thuộc Đảng ủy Công an tỉnh.

(Giao đồng chí chủ trì điểm cầu Đảng ủy Công an tỉnh quản lý tại điểm cầu).

3. Tại điểm cầu Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

- Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự tỉnh.
- Bí thư, Phó Bí thư các Đảng bộ, Chi bộ trực thuộc Đảng ủy Quân sự tỉnh.

(Giao đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự tỉnh chủ trì, quản lý tại điểm cầu).

4. Tại điểm cầu Hội trường 300 chỗ Trung tâm Hành chính tỉnh

- Đồng chí Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh - Chủ trì.
- Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh.
- Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ và Bí thư, Phó bí thư các chi bộ thuộc Đảng bộ: Trường Đại học Đà Lạt, Viện Nghiên cứu hạt nhân.
- Bí thư các đảng bộ, chi bộ cơ sở, đảng bộ trực thuộc, chi bộ trực thuộc.
- Các đồng chí Phó Hiệu trưởng; giảng viên Trường Chính trị tỉnh.

(Giao đồng chí Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Khối các cơ quan chủ trì và quản lý tại điểm cầu).

5. Tại điểm cầu Hội trường Đảng ủy Khối doanh nghiệp:

- Đồng chí Phó Bí thư Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh - Chủ trì.
- Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Khối doanh nghiệp tỉnh.
- Bí thư các đảng bộ, chi bộ cơ sở, đảng bộ trực thuộc, chi bộ trực thuộc.

(Giao đồng chí Phó Bí thư Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh chủ trì và quản lý tại điểm cầu).

6. Tại điểm cầu các huyện, thành phố

- Đồng chí Phó Bí thư Thường trực huyện ủy, thành ủy chủ trì.
- Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, thành phố.
- Trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp huyện.
- Ủy viên Ủy ban Kiểm tra huyện ủy, thành ủy.

- Bí thư, Phó Bí thư các đảng bộ, chi bộ cơ sở, đảng bộ trực thuộc, chi bộ trực thuộc.

- Đại biểu các xã, phường, thị trấn *(nơi chưa có hệ thống trực tuyến cấp xã)*.

(Giao đồng chí Phó Bí thư Thường trực huyện ủy, thành ủy chủ trì, quản lý tại điểm cầu).

7. Tại các điểm cầu cấp xã

- Đồng chí Bí thư Đảng ủy xã, phường, thị trấn - Chủ trì.

- Đồng chí Phó Bí thư đảng ủy, Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã, phường, thị trấn.

- Đồng chí Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐND, UBND xã, phường, thị trấn,

- Trưởng Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; các chức danh công chức cấp xã.

- Bí thư chi bộ khu dân cư, tổ dân phố.

- Hiệu trưởng các trường phổ thông trung học, trung học cơ sở, tiểu học, mầm non đóng trên địa bàn.

(Giao đồng chí Bí thư Đảng ủy xã, phường, thị trấn chủ trì và quản lý tại điểm cầu).

IV. Thời gian: 01 buổi, bắt đầu lúc 8h00', ngày 02/11/2024 (thứ Bảy).

V. Địa điểm tổ chức Hội nghị

Tại Hội trường Tỉnh ủy và các điểm cầu: Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Công an tỉnh; Hội trường 300 chỗ Trung tâm Hành chính tỉnh; Hội trường Đảng ủy Khối Doanh nghiệp; các huyện, thành phố; các xã, phường, thị trấn.

*** Ghi chú: Đề nghị các địa phương, cơ quan, đơn vị lưu ý:**

- Các địa phương, cơ quan, đơn vị mời thành phần đại biểu đến dự Hội nghị. Các đại biểu đi đúng giờ, tham dự đầy đủ, không sử dụng điện thoại và giải quyết việc riêng trong suốt thời gian diễn ra Hội nghị.

- Giao đồng chí chủ trì các điểm cầu chỉ đạo, quản lý số lượng đại biểu tại điểm cầu của mình để đảm bảo Hội nghị nghiêm túc, đầy đủ, hiệu quả (gồm cả việc chỉ đạo, quản lý việc triển khai hội nghị trực tuyến tại các điểm cầu cấp xã - đối với các thành ủy, huyện ủy).

- Viễn thông Lâm Đồng, Điện lực Lâm Đồng đảm bảo các điều kiện kỹ thuật để phục vụ Hội nghị. Văn phòng Tỉnh ủy, các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc cử cán bộ phối hợp với cán bộ kỹ thuật của Viễn thông phục vụ Hội nghị.

- Thông Hội nghị tại các điểm cầu ghi tên (thành ủy, huyện ủy, đảng ủy...); nội dung tiêu đề Hội nghị chỉ thể hiện tại điểm cầu Hội trường Tỉnh ủy.

- Đề nghị các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổng hợp, báo cáo số lượng điểm cầu trực thuộc, số lượng đại biểu dự Hội nghị về Ban Tuyên giáo

Tỉnh ủy. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy kiểm tra số lượng, thành phần đại biểu tham dự Hội nghị tại các điểm cầu, tổng hợp báo cáo Thường trực Tỉnh ủy.

(Giấy mời này thay thế Giấy mời số 673-GM/TU, ngày 31/10/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Nơi nhận:

- Như thành phần mời,
- Viễn thông Lâm Đồng,
- Điện lực Lâm Đồng,
- Báo Lâm Đồng, Đài PT-TH Lâm Đồng,
- Các Phòng chuyên môn - VPTU,
- Tiểu đội Công an BVMT Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/L BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Phạm Ngọc Hà

ĐỀ CƯƠNG BÀI GIẢNG
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ TÔ LÂM
tại Lớp bồi dưỡng cán bộ quy hoạch Ủy viên Trung ương Đảng
(Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2024)

Theo đề nghị của Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, hôm nay Tôi trao đổi với các đồng chí một số nội dung về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Nội dung trao đổi gồm 2 phần:

Phần thứ nhất: Một số nội dung cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; cơ sở định vị mục tiêu đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

Phần thứ hai: Những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

Phần thứ nhất

Một số nội dung cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; cơ sở định vị mục tiêu đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

1. Một số nhận thức cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

1.1. Kỷ nguyên: là một giai đoạn lịch sử được đánh dấu bởi những đặc điểm quan trọng hoặc sự kiện có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của xã hội - văn hóa - chính trị - tự nhiên. Kỷ nguyên thường được sử dụng để phân chia thời gian trong lịch sử theo những biến cố lớn hoặc có sự thay đổi căn bản trong đời sống chính trị hay khoa học, công nghệ, môi trường. Ví dụ: Kỷ nguyên Công nghiệp, Kỷ nguyên thông tin, Kỷ nguyên Kỹ thuật số, Kỷ nguyên vũ trụ. Còn trước đây là Kỷ nguyên Đồ đá, Kỷ nguyên Cổ đại, Kỷ nguyên Trung cổ...

1.2. Kỷ nguyên vươn mình: Kỷ nguyên vươn mình hàm ý tạo sự chuyển động mạnh mẽ, dứt khoát, quyết liệt, tích cực, nỗ lực, nội lực, tự tin để vượt qua thách thức, vượt qua chính mình, thực hiện khát vọng, vươn tới mục tiêu, đạt được những thành tựu vĩ đại.

1.3. *Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình* của dân tộc Việt Nam, đó là kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu. Mọi người dân đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, được hỗ trợ phát triển, làm giàu; đóng góp ngày càng nhiều cho hoà bình, ổn định, phát

triển của thế giới, hạnh phúc của nhân loại và văn minh toàn cầu. *Đích đến của kỷ nguyên vươn mình* là dân giàu, nước mạnh, xã hội xã hội chủ nghĩa, sánh vai với các cường quốc năm châu. *Ưu tiên hàng đầu trong kỷ nguyên mới* là thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển, có thu nhập cao; khơi dậy mạnh mẽ hào khí dân tộc, tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, khát vọng phát triển đất nước; kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. *Thời điểm bắt đầu kỷ nguyên mới* là Đại hội XIV của Đảng, từ đây, mọi người dân Việt Nam, hàng trăm triệu người như một, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đồng tâm hiệp lực, chung sức đồng lòng, tranh thủ tối đa thời cơ, thuận lợi, đẩy lùi nguy cơ, thách thức, đưa đất nước phát triển toàn diện, mạnh mẽ, bứt phá và cất cánh.

2. Cơ sở định vị mục tiêu đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

- *Những thành tựu vĩ đại đạt được sau 40 năm đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, giúp Việt Nam tích lũy thế và lực cho sự phát triển bứt phá trong giai đoạn tiếp theo:* Từ một nước nghèo nàn, lạc hậu, trình độ thấp, bị bao vây, cấm vận, Việt Nam đã trở thành nước đang phát triển, có thu nhập trung bình, hội nhập sâu, rộng vào nền chính trị thế giới, nền kinh tế toàn cầu, nền văn minh nhân loại, đảm nhiệm nhiều trọng trách quốc tế, phát huy vai trò tích cực tại nhiều tổ chức, diễn đàn đa phương quan trọng. Độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; lợi ích quốc gia, dân tộc được bảo đảm. Quy mô nền kinh tế năm 2023 tăng gấp 96 lần so với năm 1986. Việt Nam trong nhóm 40 nước có nền kinh tế lớn nhất thế giới và 20 nền kinh tế hàng đầu về thương mại và thu hút đầu tư nước ngoài; có quan hệ ngoại giao với 193 nước là thành viên Liên hợp quốc; xây dựng các mối quan hệ đối tác, hợp tác chiến lược, đối tác chiến lược toàn diện với tất cả các cường quốc trên thế giới và khu vực. Đời sống người dân được cải thiện rõ rệt, tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh; hoàn thành về đích sớm các mục tiêu Thiên niên kỷ. Tiềm lực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, khoa học - công nghệ, quốc phòng, an ninh không ngừng nâng cao; tham gia đóng góp tích cực duy trì hoà bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới.

- Thế giới đang trong thời kỳ thay đổi có tính thời đại, từ nay đến năm 2030 là giai đoạn quan trọng nhất để xác lập trật tự thế giới mới, đây cũng là thời kỳ cơ hội chiến lược quan trọng, giai đoạn nước rút của cách mạng Việt Nam để đạt mục tiêu chiến lược 100 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng, tạo tiền đề vững chắc đạt mục tiêu 100 năm thành lập nước. Sự biến chuyển có tính thời đại đem đến thời cơ, thuận lợi mới, đồng thời cũng có nhiều thách thức, trong đó mặt thách thức nổi trội hơn và thời cơ mới còn có thể xuất hiện trong khoảng khắc giữa những thay đổi đột biến trong cục diện thế giới. Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, nhất là trí tuệ nhân tạo và công nghệ số đem đến

cơ hội mà những quốc gia đang phát triển, chậm phát triển có thể nắm bắt để đi trước đón đầu, phát triển vượt bậc.

- Lịch sử cách mạng Việt Nam cho thấy, dưới sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng, khơi dậy ý chí tự lực, tự chủ, tự tin, tự cường, tự hào dân tộc, huy động sức mạnh toàn dân kết hợp với sức mạnh thời đại, con thuyền cách mạng Việt Nam sẽ đạt được những kỳ tích (Kỳ tích về một nước dân chủ thuộc địa nửa phong kiến có thể chiến thắng hai đế quốc thực dân hùng mạnh; kỳ tích về một nước từ bị bao vây cấm vận thực hiện thành công công cuộc đổi mới với những thành tựu vĩ đại). Hiện nay là thời điểm ý đảng hoà quyện với lòng dân trong khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc, sớm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, sánh vai với các cường quốc năm châu.

Từ những vấn đề trên, có thể thấy, đây là thời điểm “hội tụ” tổng hoà các lợi thế, sức mạnh để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc tiếp sau kỷ nguyên độc lập, tự do, xây dựng chủ nghĩa xã hội và kỷ nguyên đổi mới.

Phần thứ hai

Những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

1. Về cải tiến phương thức lãnh đạo của Đảng

- Trong hơn 94 năm lãnh đạo cách mạng, Đảng ta không ngừng tìm tòi, phát triển, bổ sung, hoàn thiện phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền. Đây là yếu tố then chốt bảo đảm cho Đảng luôn trong sạch, vững mạnh, chèo lái con thuyền cách mạng vượt qua mọi thác ghềnh, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác.

- Bên cạnh kết quả, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế: (i) Tình trạng ban hành nhiều văn bản, một số văn bản còn chung chung, dàn trải, trùng lặp, chậm bổ sung, sửa đổi, thay thế. (ii) Một số chủ trương, định hướng lớn của Đảng chưa được thể chế kịp thời, đầy đủ hoặc đã thể chế nhưng không khả thi. (iii) Mô hình tổng thể của hệ thống chính trị chưa hoàn thiện; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của tổ chức, cá nhân, người đứng đầu có nội dung chưa rõ; phân cấp, phân quyền chưa mạnh. (iv) Mô hình tổ chức của Đảng và hệ thống chính trị vẫn còn những bất cập, làm cho ranh giới giữa lãnh đạo và quản lý khó phân định, dễ dẫn đến bao biện, làm thay hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của Đảng. (v) Cải cách hành chính, đổi mới phong cách, lề lối làm việc trong Đảng còn chậm; hội họp vẫn nhiều.

- Yêu cầu đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền, đảm bảo Đảng là người cầm lái vĩ đại, đưa dân tộc ta tiến lên mạnh mẽ đang đặt ra cấp thiết, một số giải pháp chiến lược, sau đây: **(i)** *Thực hiện nghiêm phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng*, tuyệt đối không để xảy ra bao biện, làm thay hoặc buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng. **(ii)** *Tập trung tinh gọn bộ máy, tổ chức các cơ quan của đảng, thực sự là hạt nhân trí tuệ, bộ “tổng tham mưu”, đội tiên phong lãnh đạo cơ quan nhà nước*. Trong đó, nghiên cứu, đẩy mạnh việc hợp nhất một số cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng; sớm đánh giá toàn diện việc kiêm nhiệm chức danh của Đảng và hệ thống chính trị để có quyết sách phù hợp. Bảo đảm nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng không trùng với nhiệm vụ quản lý; phân biệt và quy định rõ nhiệm vụ cụ thể của các cấp lãnh đạo trong các loại hình tổ chức đảng, tránh tình trạng bao biện làm thay, hoặc tồn tại song trùng, hình thức. **(iii)** *Đổi mới mạnh mẽ việc ban hành và quán triệt, thực hiện nghị quyết của Đảng; xây dựng các tổ chức cơ sở đảng, đảng viên thật sự là các “tế bào” của Đảng*. Nghị quyết của các cấp ủy, tổ chức đảng phải ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ tiếp thu, dễ thực hiện, xác định đúng, trúng yêu cầu, nhiệm vụ, con đường, cách thức phát triển của đất nước, của dân tộc, của từng địa phương, từng bộ, ngành; phải có tầm nhìn, tính khoa học, tính thực tiễn, thiết thực và tính khả thi; tạo sự phấn khởi, tin tưởng, kỳ vọng và động lực thúc đẩy hành động của cán bộ, đảng viên, các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp và nhân dân thực hiện Nghị quyết của Đảng. Xây dựng các chi bộ cơ sở vững mạnh, có tính chiến đấu cao, có năng lực đưa nghị quyết của Đảng vào thực tiễn cuộc sống; đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ cơ sở Đảng, đảm bảo hoạt động sinh hoạt chi bộ thực chất, hiệu quả. **(iv)** *Đổi mới công tác kiểm tra, giám sát; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các hoạt động của Đảng*. Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền kiểm tra, giám sát gắn với phát hiện, xử lý nghiêm mọi hành vi lợi dụng kiểm tra, giám sát để tham nhũng, tiêu cực.

2. Về tăng cường tính đảng trong xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân

- Sau 02 năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế: **(i)** Một số chủ trương, định hướng lớn của Đảng chưa được thể chế kịp thời, đầy đủ hoặc đã thể chế nhưng tính khả thi không cao; **(ii)** hệ thống pháp luật còn có quy định mâu thuẫn, chồng chéo, chưa phù hợp với sự phát triển kinh tế, xã hội, chậm được bổ sung, sửa đổi, thay thế. **(iii)** Cơ chế, chính sách, pháp luật chưa tạo dựng được môi trường thực sự thuận lợi để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, thu hút nguồn lực của các nhà đầu tư trong và ngoài nước cũng như trong Nhân dân. Trong 3 điểm nghẽn lớn nhất hiện

nay là thể chế, hạ tầng và nhân lực, thì thể chế là “điểm nghẽn” của “điểm nghẽn”, đặt ra yêu cầu cấp thiết phát huy tính Đảng trong xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN.

- Về quan điểm: Pháp luật trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa cần phải liên tục được hoàn thiện để thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng, phát huy dân chủ, vì con người, công nhận, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

- Về giải pháp, ***đổi mới mạnh mẽ công tác lập pháp, trong đó:*** (i) Chuyển đổi tư duy xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý Nhà nước vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển. Tư duy quản lý không cứng nhắc, dứt khoát từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”. (ii) Các quy định của luật phải mang tính ổn định, có giá trị lâu dài; luật chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc; không cần quá dài. Những vấn đề thực tiễn biến động thường xuyên thì giao Chính phủ, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt trong điều hành. Tuyệt đối không hành chính hoá hoạt động của Quốc hội; luật hoá các quy định của Nghị định và Thông tư. (iii) Đổi mới quy trình xây dựng, tổ chức thực hiện pháp luật. Bám sát thực tiễn, đứng trên mảnh đất thực tiễn Việt Nam để xây dựng các quy định pháp luật phù hợp; vừa làm vừa rút kinh nghiệm; không nóng vội, nhưng cũng không cầu toàn, để mất thời cơ; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể; thường xuyên đánh giá hiệu quả, chất lượng chính sách sau ban hành để kịp thời điều chỉnh bất cập, mâu thuẫn, giảm thiểu thất thoát, lãng phí các nguồn lực; chủ động phát hiện và tháo gỡ nhanh nhất những “điểm nghẽn” có nguyên nhân từ các quy định của pháp luật. (iv) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền với phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”; cải cách triệt để thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cao nhất cho người dân và doanh nghiệp. (v) Tập trung kiểm soát quyền lực trong xây dựng pháp luật, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm, nhất là trách nhiệm người đứng đầu, kiên quyết chống tiêu cực, “lợi ích nhóm”. (vi) Chủ động, tích cực, khẩn trương xây dựng hành lang pháp lý cho những vấn đề mới, xu hướng mới (nhất là những vấn đề liên quan đến cách mạng 4.0, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh...) tạo khung khổ pháp lý để thực hiện thành công cuộc cách mạng về chuyển đổi số, tạo đột phá cho phát triển đất nước những năm tiếp theo.

3. Về tinh gọn tổ chức bộ máy hoạt động hiệu lực, hiệu quả

- *Nhiệm vụ này đang đặt ra rất cấp thiết:* (i) Hiện nay 70% ngân sách dùng để nuôi bộ máy, trong khi đó công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, giảm đầu mối, giảm cấp trung gian còn bất cập, một bộ phận còn chồng chéo, chồng lấn giữa lập pháp và hành pháp, chưa thực sự đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý. Một số bộ, ngành còn ôm đồm nhiệm vụ của địa phương,

dẫn đến tồn tại cơ chế xin, cho, dễ nảy sinh tiêu cực, tham nhũng. Công tác tinh giản biên chế gắn với vị trí việc làm, nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ công chức, viên chức còn thiếu triệt để. **(ii)** Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến cản trở phát triển, tăng thủ tục hành chính, lãng phí thời gian công sức của doanh nghiệp, công dân, làm lỡ thời cơ phát triển của đất nước.

- *Chủ trương chiến lược:* **(i)** Tiếp tục tập trung xây dựng, tinh gọn bộ máy tổ chức Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội để hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tinh gọn bộ máy, tổ chức các cơ quan của đảng, thực sự là hạt nhân trí tuệ, là “bộ tổng tham mưu”, đội tiên phong lãnh đạo cơ quan nhà nước. **(ii)** Cắt giảm đầu mối trung gian không cần thiết, sắp xếp tổ chức theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo hướng “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát, xác định rõ trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền địa phương, giữa người quản lý và người lao động. Hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát, bảo đảm sự thống nhất trong quản lý nhà nước và phát huy tính chủ động, sáng tạo, nâng cao khả năng tự chủ, tự cường của các địa phương. **(iii)** Sơ kết đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 18 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khoá XII “*một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*” trong toàn hệ thống chính trị trình Hội nghị Trung ương 11 khoá XIII; làm cơ sở có những quyết sách mới đổi mới mạnh mẽ công tác tổ chức cán bộ theo định hướng đã được Trung ương 10 thống nhất.

4. Chuyển đổi số

- *Chuyển đổi số không đơn thuần là việc ứng dụng công nghệ số vào các hoạt động kinh tế - xã hội, mà còn là quá trình xác lập một phương thức sản xuất mới tiên tiến, hiện đại - “phương thức sản xuất số”,* trong đó đặc trưng của lực lượng sản xuất là sự kết hợp hài hòa giữa con người và trí tuệ nhân tạo; dữ liệu trở thành một tài nguyên, trở thành tư liệu sản xuất quan trọng; đồng thời quan hệ sản xuất cũng có những biến đổi sâu sắc, đặc biệt là trong hình thức sở hữu và phân phối tư liệu sản xuất số.

- *Quan hệ sản xuất chưa phù hợp đang cản trở sự phát triển của lực lượng sản xuất mới:* **(i)** Cơ chế, chính sách, pháp luật chưa thực sự đồng bộ, còn chồng chéo, chưa tạo môi trường thực sự thuận lợi để thu hút các nguồn lực, nhất là nguồn lực trong dân. **(ii)** Công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số còn hạn chế. Vẫn tồn tại những thủ tục hành chính rườm rà, lạc hậu, qua nhiều khâu, nhiều cửa, mất nhiều thời gian, công sức của người dân và doanh nghiệp, dễ nảy sinh tham nhũng vặt, cản trở phát triển. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa hệ thống thông tin của các bộ, ngành, địa phương và cơ sở dữ liệu quốc gia chưa thông suốt;

nhieu dịch vụ công trực tuyến chất lượng thấp, tỷ lệ người sử dụng chưa cao; việc tổ chức vận hành bộ phận “một cửa” các cấp ở nhiều nơi chưa hiệu quả.

- *Thực hiện cách mạng chuyển đổi số* với những cải cách mạnh mẽ, toàn diện để điều chỉnh quan hệ sản xuất, tạo động lực mới cho phát triển, tranh thủ tối đa thời cơ, thuận lợi do Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đem lại, đưa đất nước đi tắt đón đầu phát triển vượt bậc. Bộ Chính trị sẽ sớm nghiên cứu, ban hành Nghị quyết về chuyển đổi số quốc gia để lãnh đạo thực hiện quyết liệt trong toàn Đảng, toàn hệ thống chính trị.

- *Một số giải pháp chủ yếu:* (i) Tập trung xây dựng hành lang pháp lý cho phát triển số, tạo nền tảng để Việt Nam nắm bắt cơ hội từ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thường xuyên rà soát, sửa đổi kịp thời các quy định không còn phù hợp, tạo hành lang cho các mô hình kinh tế mới như kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn, trí tuệ nhân tạo... đảm bảo khung pháp lý không trở thành rào cản của sự phát triển, đồng thời bảo đảm an ninh quốc gia, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp. (ii) Có cơ chế đột phá thu hút nhân tài trong và ngoài nước; xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực có kiến thức, kỹ năng và tư duy đổi mới, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. (iii) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng nền tảng số kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, tổ chức. Mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam sẽ đứng trong nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới và xếp thứ 3 trong ASEAN về chính phủ điện tử, kinh tế số. (iv) Đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với bảo đảm an ninh, an toàn. Tập trung xây dựng xã hội số, số hóa toàn diện hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao. Kết nối đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tạo nền tảng tinh gọn bộ máy, cải cách thủ tục hành chính thực chất. Phát triển kinh tế số, xây dựng công dân số.

5. Chống lãng phí

- Thực tế cho thấy, “*Lãng phí tuy không lấy của công đứt túi, song kết quả cũng rất tai hại cho nhân dân, cho Chính phủ. Có khi tai hại hơn nạn tham ô*”¹, song lãng phí hiện nay diễn ra khá phổ biến, dưới nhiều dạng thức khác nhau, đã và đang gây ra nhiều hệ lụy nghiêm trọng cho phát triển (gây suy giảm nguồn lực con người, nguồn lực tài chính, giảm hiệu quả sản xuất, tăng gánh nặng chi phí, gây cạn kiệt tài nguyên, gia tăng khoảng cách giàu nghèo; gây suy giảm lòng tin của người dân với Đảng, Nhà nước, tạo rào cản vô hình trong phát triển kinh tế - xã hội, bỏ lỡ thời cơ phát triển của đất nước).

- *Một số dạng thức của lãng phí đang nổi lên gay gắt hiện nay, đó là:* (i) Chất lượng xây dựng, hoàn thiện pháp luật chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn dẫn đến khó khăn, cản trở việc thực thi, gây thất thoát, lãng phí các nguồn

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.7, tr.357

lực. **(ii)** Lãng phí thời gian, công sức của doanh nghiệp, cá nhân khi thủ tục hành chính rườm rà, dịch vụ công trực tuyến chưa thuận tiện và thông suốt. **(iii)** Lãng phí cơ hội phát triển của địa phương, của đất nước do bộ máy nhà nước có nơi, có lúc hoạt động chưa hiệu quả, một bộ phận cán bộ thiếu năng lực, né tránh, đùn đẩy công việc, sợ trách nhiệm; do chất lượng, năng suất lao động thấp. **(iv)** Lãng phí tài nguyên thiên nhiên; lãng phí tài sản công do quản lý, sử dụng chưa hiệu quả, trong đó giải ngân vốn đầu tư công; cổ phần hóa, xử lý thoái vốn của các doanh nghiệp nhà nước; sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước; thực hiện các chương trình, mục tiêu quốc gia, các gói tín dụng hỗ trợ phát triển an sinh xã hội hầu hết rất chậm. **(v)** Lãng phí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng của Nhân dân diễn ra dưới nhiều hình thức. **(vi)** Lãng phí do hệ thống tiêu chuẩn, định mức, chế độ, một số chưa phù hợp thực tế nhưng chậm được sửa đổi, bổ sung. Trong khi đó, xử lý lãng phí chưa được đề cao, thường gắn với xử lý tham nhũng như hệ lụy kéo theo; chưa tạo được phong trào thi đua rộng khắp về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cũng như dư luận xã hội mạnh mẽ để phê phán, lên án những hành vi gây lãng phí; việc xây dựng văn hoá tiết kiệm, không lãng phí trong xã hội chưa được quan tâm đúng mức.

- *Giải pháp chiến lược những năm tới đó là:* **(i)** *Đẩy mạnh phòng, chống lãng phí tương đương với phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.* Từ ban hành quy định của Đảng để nhận diện, chiến lược quốc gia, quy định của pháp luật và thực thi trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân; xử lý nghiêm các cá nhân, tập thể có hành vi, việc làm gây thất thoát, lãng phí tài sản công theo tinh thần “xử lý một vụ cảnh tỉnh cả vùng cả lĩnh vực”. **(ii)** *Rà soát, bổ sung các quy định về cơ chế quản lý, các định mức kinh tế - kỹ thuật không còn phù hợp với thực tiễn phát triển của đất nước. Hoàn thiện các quy định xử lý hành vi lãng phí; các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công; thể chế trong ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tạo sự đồng bộ trong chuyển đổi để giảm thiểu lãng phí.* **(iii)** *Giải quyết dứt điểm tồn tại kéo dài đối với các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, dự án hiệu quả thấp, gây thất thoát, lãng phí lớn; các ngân hàng thương mại yếu kém. Sớm hoàn thành cổ phần hóa, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.* **(iv)** *Xây dựng văn hoá phòng, chống lãng phí; đưa thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trở thành “tự giác”, “tự nguyện”, “com ăn nước uống, áo mặc hàng ngày”.*

6. Cán bộ

- Cán bộ và công tác cán bộ là vấn đề “rất trọng yếu”, “quyết định mọi việc”, “cán bộ là cái gốc của mọi công việc”, là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng. Xây dựng đội ngũ cán bộ đủ năng lực đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc đang đặt ra cấp thiết.

- *Phẩm chất, yêu cầu đối với cán bộ trong giai đoạn cách mạng mới đó là: (i) Có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đột phá vì lợi ích chung; hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, luôn đặt lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích của Nhân dân lên trên hết, trước hết. (ii) Có bản lĩnh, quyết tâm cao, sẵn sàng dấn thân, hy sinh lợi ích cá nhân. Dám đi đầu, đổi mới, loại bỏ cái cũ, cái lạc hậu; khơi thông điểm nghẽn, giải quyết vướng mắc, ách tắc trong thực tiễn, mang lại hiệu quả cao trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ; giải quyết những vấn đề sai sót tồn đọng, kéo dài hoặc đột phá đối với những vấn đề mới chưa có quy định hoặc quy định chồng chéo, thiếu thống nhất, khó thực hiện. (iii) Có năng lực cụ thể, tổ chức thực hiện, đưa chủ trương chiến lược của Đảng vào thực tiễn từng bộ, ban, ngành, địa phương (chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển hạ tầng chiến lược, cải cách triệt để thủ tục hành chính...)*

- *Giải pháp xây dựng đội ngũ cán bộ trong giai đoạn mới: (i) Đổi mới mạnh mẽ công tác tuyển dụng, đào tạo, đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động, đánh giá cán bộ theo hướng thực chất, vì việc tìm người, trên cơ sở sản phẩm cụ thể đo đếm được. (ii) Tăng cường tự đào tạo, tự bồi dưỡng, nhất là đối với yêu cầu của chuyển đổi số. (iii) Xây dựng cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ có tư duy đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung trên cơ sở phân định rõ người dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới sáng tạo vì lợi ích chung với người phiêu lưu, liều lĩnh, viển vông, không thực tế; bảo vệ đối với những trường hợp nguy cơ rủi ro, sai sót từ sớm, ngay khi có kế hoạch, không để muộn. (iv) Sàng lọc, đưa ra khỏi vị trí công tác đối với những người không đủ phẩm chất, năng lực, uy tín. (v) Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, thử thách đối với các đồng chí là nhân sự được quy hoạch tham gia cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp, bảo đảm lựa chọn ra được cấp ủy, nhất là người đứng đầu có năng lực lãnh đạo, có sức chiến đấu cao, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo vì sự nghiệp chung, có năng lực lãnh đạo thực hiện thắng lợi các chủ trương của Đảng, đưa nghị quyết của Đảng vào thực tiễn cuộc sống trên từng lĩnh vực, địa bàn.*

7. Về kinh tế

- Tổng thể kinh tế Việt Nam có sự tăng trưởng liên tục từ khi thực hiện Cương lĩnh 1991, thường xuyên ở trong nhóm những quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới, đưa Việt Nam từ nước thu nhập thấp trở thành nước thu nhập trung bình.

- Tuy tốc độ tăng trưởng cao, song nguy cơ tụt hậu về kinh tế vẫn hiện hữu, nguy cơ kinh tế Việt Nam rơi vào bẫy thu nhập trung bình và khó tiệm cận với các nước đang phát triển, thể hiện trên 5 điểm: (i) Tốc độ tăng năng suất lao động của Việt Nam giảm dần, thấp hơn nhiều nước trong khu vực (giai đoạn 2021-2025 ước đạt 4,8%, thấp hơn so với bình quân 3 năm 2016-

2018 (6,1%), không đạt mục tiêu đề ra (6,5%), trong khi cùng xuất phát điểm với VN, TQ đầu những năm 1990 tăng liên tục mỗi năm đều đạt 9%. (ii) Năng suất các nhân tố tổng hợp - yếu tố quan trọng trong chất lượng tăng trưởng cũng có xu hướng giảm (giai đoạn 2015-2019 đạt 2,77%, đứng đầu khu vực ASEAN, năm 2022 là -1,36%, năm 2023 là -2%), cho thấy hiệu quả của nền kinh tế có xu hướng giảm. (iii) Tăng trưởng của Việt Nam từ năm 2021 đến nay chủ yếu phụ thuộc vào xuất khẩu, trong đó khối FDI chiếm trên 70% (tương đương 60% GDP); các doanh nghiệp này nhập khẩu trên 80% linh kiện, thiết bị, chỉ sử dụng những tư liệu sản xuất giản đơn của Việt Nam như lao động, đất đai, nguyên vật liệu cơ bản, không giúp Việt Nam xây dựng công nghiệp hỗ trợ và doanh nghiệp nội địa có năng lực cạnh tranh cao trong chuỗi giá trị toàn cầu (doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi cung ứng chỉ là các sản phẩm giản đơn). Khi thời kỳ dân số vàng kết thúc (khoảng năm 2027-2037), giá nhân công tăng, lợi thế cạnh tranh không còn, FDI dịch chuyển sang nước khác hoặc sụt giảm, sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế Việt Nam. (iv) Tình trạng nhiều cán bộ, công chức sợ trách nhiệm, đùn đẩy, né tránh trong xử lý công việc, sợ đổi mới, không dám nghĩ, dám làm, ảnh hưởng đến chất lượng thực thi công vụ, tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội. (v) Các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế chưa phát huy hiệu quả (*nguồn nhân lực còn hạn chế khi năng suất lao động, động lực làm việc của cán bộ quản lý nhà nước giảm sút; nguồn vật lực còn lãng phí, nguồn tài lực chưa được khai thông*): Lãng phí trong sử dụng đất đai (trong khi xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai chậm), khoáng sản (chủ yếu khai thác, chế biến thô); chưa hiệu quả trong phát triển hạ tầng giao thông (*quy hoạch phát triển hạ tầng sân bay, cảng biển dàn trải, đầu tư manh mún ở nhiều địa phương có vị trí địa lý gần nhau, không có lợi thế khác biệt*); mất cân đối về hạ tầng năng lượng; thị trường tài chính, tiền tệ thiếu bền vững khi lượng vốn lớn bị đóng băng vào bất động sản.

- Nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên, do: (i) Điểm nghẽn về thể chế và hạn chế trong thực thi pháp luật. Tình trạng sợ sai, sợ trách nhiệm, không dám làm, né tránh trách nhiệm, đùn đẩy công việc lên cơ quan quản lý cấp trên hoặc sang bộ, ngành khác. (ii) Chuyển đổi mô hình kinh tế từ chiều rộng sang chiều sâu chậm. Đầu tư công tiến độ chậm, hiệu quả sử dụng vốn chưa cao, còn dàn trải, nhiều lãng phí, chưa phát huy vai trò dẫn dắt, kích hoạt hiệu quả các nguồn lực ngoài nhà nước. Hoạt động cơ cấu lại các tổ chức tín dụng, xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém chậm; tình trạng “sử hữu chéo”, cho vay tín dụng đối với doanh nghiệp “nội bộ”, “sân sau” còn phức tạp và chưa có biện pháp giải quyết triệt để. Xác định các ngành hàng chiến lược, quốc gia giá trị cao chưa được quan tâm. (iii) Hệ thống kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị thiếu tính kết nối; xây dựng hạ tầng số chậm. (iv) Kinh tế tư nhân chưa trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế, chưa tận dụng tốt các nguồn lực đầu tư nước ngoài. (v) Ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ chưa đem lại kết quả rõ nét; chất lượng nguồn nhân lực còn nhiều hạn chế, thiếu lao

động trình độ cao đáp ứng nhu cầu phát triển của các ngành kinh tế mũi nhọn, công nghệ cao, phục vụ phát triển số. **(vi)** Các yếu tố bên ngoài tác động tiêu cực, làm gia tăng nguy cơ tụt hậu về kinh tế.

- *Một số giải pháp, định hướng chiến lược phát triển kinh tế, đẩy lùi nguy cơ tụt hậu, bẫy thu nhập trung bình:* **(i)** Đột phá mạnh mẽ hơn về thể chế phát triển, tháo gỡ điểm nghẽn, rào cản, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, huy động, khơi thông mọi nguồn lực bên trong, bên ngoài, nguồn lực trong dân, phát triển khoa học và công nghệ đồng bộ, thông suốt, tất cả vì sự phát triển kinh tế - văn hoá, xã hội của đất nước và phát triển nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; đồng bộ và đột phá trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội là ưu tiên cao nhất. **(ii)** Tập trung xây dựng mô hình xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là xây dựng con người xã hội chủ nghĩa, tạo nền tảng xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa mà Cương lĩnh của Đảng đã xác định (dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, do nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý, Đảng Cộng sản lãnh đạo). **(iii)** Tập trung phát triển lực lượng sản xuất mới (kết hợp giữa nguồn nhân lực chất lượng cao với tư liệu sản xuất mới, hạ tầng chiến lược về giao thông, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh) gắn với hoàn thiện quan hệ sản xuất. **(iv)** Khởi xướng và thực hiện cách mạng chuyển đổi số. Đẩy mạnh công nghệ chiến lược, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo làm động lực chính cho phát triển./.

TỔNG BÍ THƯ CHỦ TRÌ HỌP BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC

Ngày 30/10, tại Hà Nội, Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực (Ban Chỉ đạo) đã họp để thảo luận, cho ý kiến về tình hình, kết quả chỉ đạo xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực từ sau Phiên họp thứ 26 đến nay và chủ trương xử lý một số vụ án, vụ việc thuộc diện Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo. Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, chủ trì cuộc họp.

Tại cuộc họp, đồng chí Nguyễn Duy Ngọc, Bí thư Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng đã công bố Quyết định của Bộ Chính trị về bổ sung chức năng, nhiệm vụ phòng, chống lãng phí đối với Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và quyết định về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đạt nhiều kết quả nổi bật

Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ, đồng chí Phan Đình Trạc, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Nội chính Trung ương, Phó trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo cho biết, từ sau Phiên họp thứ 26 của Ban Chỉ đạo (ngày 14/8/2024) đến nay, các cơ quan chức năng đã có nhiều nỗ lực, cố gắng, phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng, thực hiện nghiêm các kết luận Phiên họp, Cuộc họp của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo; tiến độ kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc cơ bản hoàn thành theo Kế hoạch của Ban Chỉ đạo, có việc vượt yêu cầu đề ra.

Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tiếp tục được triển khai mạnh mẽ, kiên quyết, kiên trì, không ngừng, không nghỉ, không có vùng cấm, không có ngoại lệ; đặt lợi ích của quốc gia, dân tộc, của Đảng lên trên hết; phục vụ tốt nhất cho nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội.

Cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp tập trung kiểm tra, xử lý nghiêm tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên vi phạm liên quan đến các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực theo kết luận của Ban Chỉ đạo. Nhất là, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã tập trung kiểm tra, chỉ đạo kiểm tra đối với các tổ chức đảng, đảng viên liên quan đến vụ án xảy ra tại tập đoàn Phúc Sơn, tập đoàn Thuận An; hoàn thành các cuộc kiểm tra liên quan đến Công ty AIC; qua kiểm tra đã xử lý, kiến nghị xử lý 247 tổ chức đảng, 441 đảng viên, chuyển cơ quan điều tra xử lý theo thẩm quyền 26 vụ việc.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã thi hành kỷ luật 6 cán bộ cấp cao thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; nâng tổng số cán bộ cấp cao bị xử lý kỷ luật từ đầu năm đến nay là 52 cán bộ; trong đó, có 48 cán bộ bị kỷ luật do liên quan đến các vụ án, vụ việc thuộc diện Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo.

Các cơ quan tiến hành tố tụng cả nước đã khởi tố, điều tra 734 vụ/1.681 bị can, truy tố 591 vụ/1.479 bị can, xét xử sơ thẩm 1.002 vụ/2.703 bị cáo về các tội tham nhũng kinh tế, chức vụ.

Riêng các vụ án, vụ việc thuộc diện Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo, đã kết luận điều tra 4 vụ án/58 bị can; kết luận điều tra bổ sung một vụ án/9 bị can; ban hành cáo trạng truy tố 4 vụ án/52 bị can; xét xử sơ thẩm 3 vụ án/290 bị cáo; xét xử phúc thẩm 3 vụ án/12 bị cáo; khởi tố mới một vụ án/5 bị can, khởi tố thêm 22 bị can trong một số vụ án; trong đó có 3 bị can là cán bộ cấp cao thuộc Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

Đối với 2 vụ án trọng điểm, dư luận xã hội đặc biệt quan tâm, đã hoàn thành xét xử sơ thẩm theo kế hoạch của Ban Chỉ đạo. Đó là, vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Rửa tiền; Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới” xảy ra tại Ngân hàng SCB, Công ty cổ phần Tập đoàn Vạn Thịnh Phát và các công ty, đơn vị có liên quan (giai đoạn II) và vụ án “Đưa hối lộ; Nhận hối lộ; Môi giới hối lộ; Giả mạo trong công tác; Sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật; xâm nhập trái phép mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác; Che giấu tội phạm; Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” xảy ra tại Cục Đăng kiểm Việt Nam, các Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới và phương tiện thủy nội địa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh, thành phố trên cả nước.

Thanh tra Chính phủ đã ban hành kết luận thanh tra việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp cổ phần hóa sang kinh doanh bất động sản, giai đoạn từ năm 2011-2019 theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo. Qua thanh tra, đã kiến nghị xử lý trách nhiệm nhiều tập thể, cá nhân vi phạm, chuyển cơ quan điều tra 8 vụ việc có dấu hiệu tội phạm.

Các cơ quan chức năng đã chủ động phối hợp, tham mưu, chỉ đạo tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về giám định, định giá tài sản; về chủ trương xử lý một số vụ án, vụ việc nghiêm trọng, phức tạp; phân loại xử lý các đối tượng vi phạm trong một số vụ án, vụ việc theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo; vận động đầu thú, truy bắt, dẫn độ các đối tượng bỏ trốn trong vụ án để xử lý theo quy định của pháp luật; về tháo gỡ khó khăn, xử lý sớm tài sản, vật chứng bị tạm giữ, kê biên, phong tỏa trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử, tạo bước tiến mới trong công tác thu hồi tài sản tham nhũng.

Công tác phát hiện, xử lý tham nhũng, tiêu cực ở địa phương, cơ sở tiếp tục được đẩy mạnh. Từ sau Phiên họp thứ 26 đến nay, các địa phương đã khởi tố mới 656 vụ án/1.367 bị can về các tội tham nhũng, kinh tế, chức vụ; trong đó có 169 vụ án/347 bị can về các tội tham nhũng, nâng tổng số vụ án tham nhũng khởi tố mới ở các địa phương từ đầu năm 2024 đến nay là 613 vụ án/1.350 bị can (tăng hơn 70 vụ so với cùng kỳ năm trước).

Các cơ quan chức năng tiếp tục phát hiện, xử lý nghiêm minh nhiều cán bộ, đảng viên tham nhũng, tiêu cực trong các cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tính từ đầu năm đến nay, đã xử lý hình sự hơn 160 cán bộ trong các cơ quan này về các tội tham nhũng, tiêu cực.

Tiếp tục củng cố niềm tin, sự đồng lòng của cán bộ, đảng viên, nhân dân

Sau khi nghe các ý kiến thảo luận, phát biểu kết luận cuộc họp, Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định, từ sau Phiên họp 26 của Ban Chỉ đạo đến nay, đất nước ta đã diễn ra nhiều sự kiện quan trọng, nhất là thành công của Hội nghị Trung ương 10 khóa XIII đã tạo niềm tin mới, khí thế mới. Chúng ta đã nhanh chóng khắc phục hậu quả cơn bão số 3 gây ra, ổn định tình hình, tập trung phát triển kinh tế-xã hội đạt nhiều kết quả tích cực. Trong bối cảnh đó, tiến độ kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xử lý các vụ án, vụ việc cơ bản hoàn thành theo Kế hoạch của Ban Chỉ đạo, có việc vượt yêu cầu đề ra.

Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tiếp tục được đẩy mạnh theo chiều sâu, ngày càng trưởng thành, đáp ứng yêu cầu thực tế, đạt nhiều kết quả quan trọng, không ngừng, không nghỉ; đặt lợi ích của quốc gia-dân tộc, của Đảng lên trên hết; phục vụ tốt nhất cho nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội.

Tổng Bí thư nhấn mạnh, từ kết quả đạt được có thể rút ra những vấn đề quan trọng, là kinh nghiệm để tiếp tục thực hiện tốt công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong thời gian tới. Trước hết, sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ, nhịp nhàng, bài bản của các cơ quan trong các khâu kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực, đã góp phần đẩy mạnh, quyết liệt, đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực. Nhất là, trong kiểm tra, điều tra, xử lý các vi phạm liên quan đến Tập đoàn Phúc Sơn, Tập đoàn Thuận An, Công ty AIC, Dự án Sài Gòn-Đại Ninh (Lâm Đồng).

Chỉ tính riêng liên quan đến tập đoàn Phúc Sơn, Thuận An, đến nay Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã hoàn thành 5/8 cuộc kiểm tra và chỉ đạo 13 địa phương rà soát, kiểm tra dấu hiệu vi phạm đối với các cấp ủy, tổ chức đảng liên quan và đã thi hành kỷ luật 58 tổ chức đảng, 86 đảng viên, trong đó có 17 cán bộ diện Trung ương quản lý.

Về xử lý hình sự, đến nay đã khởi tố 44 bị can, trong đó có 10 cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý. Riêng vụ án xảy ra tại tập đoàn Phúc Sơn đã khởi tố 8 cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, trong đó có 4 Bí thư, nguyên Bí thư; 3 Chủ tịch, nguyên Chủ tịch.

Tổng Bí thư đánh giá, tinh thần trách nhiệm và sự nỗ lực, cố gắng của các cơ quan trong triển khai nhiệm vụ và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc được nâng lên, nhiều vấn đề đã có chuyển biến rõ nét, nhất là đã khắc phục khó khăn, vướng mắc, hoàn thành nhiều kết luận giám định, định giá tài sản; tích cực vận động đầu thú, truy bắt, dẫn độ các đối tượng bỏ trốn trong các vụ án để xử lý theo quy định của pháp luật (tính từ đầu năm đến nay, đã vận động, truy bắt được 9 đối tượng bỏ trốn ra nước ngoài).

Các cơ quan cũng đã đề xuất được giải pháp xử lý tài sản, vật chứng ngay trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử nhằm sớm giải tỏa các tài sản, đưa vào lưu thông, tránh thất thoát, lãng phí, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân liên quan, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội. Công tác thu hồi tài sản tham nhũng trong các vụ án, vụ việc Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo đạt nhiều kết quả.

Tổng Bí thư cho rằng, kết quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực thời gian qua đã góp phần tiếp tục củng cố niềm tin và sự đồng lòng của cán bộ, đảng viên, nhân dân đối với công tác này. Các nội dung chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, của Ban Chỉ đạo tại Phiên họp 26 và kết quả thực tế thời gian qua đã được cán bộ, đảng viên và nhân dân đón nhận, đồng tình ủng hộ, nhất là thông điệp về tiếp tục quyết tâm phòng, chống tham nhũng, tiêu cực không ngừng, không nghỉ, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, nhưng không phải lấy xử lý hình sự là chính, mà cần phải là biện pháp cuối cùng.

Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cần phải vì mục tiêu phục vụ phát triển kinh tế-xã hội; phải được thực hiện từ cơ sở, từ mỗi chi bộ... Việc kịp thời bổ sung chức năng, nhiệm vụ phòng, chống lãng phí đối với Ban Chỉ đạo được cán bộ, đảng viên và nhân dân đánh giá là rất đúng, rất trúng, mong chờ sớm có những chuyển biến mạnh mẽ trong thời gian tới.

Về nhiệm vụ trong thời gian tới, Tổng Bí thư chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phải bám sát 2 nhiệm vụ chính trị quan trọng mà Hội nghị Trung ương 10 đã xác định, đó là tăng tốc bứt phá để hoàn thành các mục tiêu Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã đề ra và chuẩn bị thật tốt để tổ chức thành công Đại hội XIV của Đảng. Vừa tiếp tục đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực vừa phải quan tâm chỉ đạo đẩy mạnh phòng, chống lãng phí; xác định phòng, chống lãng phí có vị trí tương đương với phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác phòng, chống lãng phí

Tổng Bí thư đề nghị Ban Chỉ đạo cần nghiên cứu chỉ đạo quyết liệt để triển khai ngay các công tác trọng tâm, đột phá về phòng, chống lãng phí, tạo khí thế mới, chuyển biến mạnh mẽ trong công tác này. Lãng phí là vấn đề rất lớn, phạm vi rất rộng, thiệt hại còn lớn hơn rất nhiều lần so với tham nhũng, tiêu cực; đã có nhiều chủ trương, giải pháp về vấn đề này nhưng chưa hiệu quả.

Về tổng thể, phải kiên trì thực hiện đồng bộ các giải pháp từ thấp đến cao để thực hành tiết kiệm, phòng, chống lãng phí, như: xây dựng văn hóa chống lãng phí trong toàn xã hội; đưa chống lãng phí trở thành các chuẩn mực đạo đức, chuẩn mực xã hội; đưa vào các nội quy của từng cơ quan, hương ước của từng thôn xóm; quy định trong các văn bản của Đảng, Nhà nước; xử lý các vi phạm từ hành chính, đến mức cao nhất là hình sự.

Trước mắt phải lựa chọn những nội dung trọng tâm, giải pháp đột phá để tập trung chỉ đạo tạo dấu ấn lan tỏa trong toàn xã hội. Cụ thể: Khẩn trương ban hành Hướng dẫn của Ban Chỉ đạo về những nội dung cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống lãng phí (trong đó nhận diện, chỉ rõ các hành vi, biểu hiện lãng phí, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong công tác phòng, chống lãng phí).

Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống lãng phí đảm bảo đồng bộ, thống nhất; sửa đổi, bổ sung ngay các quy định về tiêu chuẩn, định mức kinh tế-kỹ thuật không còn phù hợp với thực tiễn phát triển của đất nước.

Chỉ đạo rà soát, xử lý nghiêm các vụ việc lãng phí lớn, dư luận xã hội quan tâm, theo đúng tinh thần xử lý một vụ cảnh tỉnh cả vùng, cả lĩnh vực; xác định rõ trách nhiệm các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Rà soát xử lý dứt điểm tồn tại kéo dài đối với các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, dự án hiệu quả thấp, gây thất thoát, lãng phí lớn; trước hết là các dự án đầu tư xây dựng cơ sở 2 Bệnh viện Bạch Mai và cơ sở 2 Bệnh viện Việt Đức; dự án giải quyết ngập do triều cường khu vực Thành phố Hồ Chí Minh; các dự án điện năng lượng tái tạo đã xây dựng nhưng chưa được kết nối, vận hành,...

Song song với xử lý, cần có các hình thức khen thưởng, biểu dương những tập thể, cá nhân có thành tích thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hoặc có giải pháp làm lợi cho Nhà nước.

Tổng Bí thư yêu cầu phải tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gắn với tăng tốc, bứt phá phát triển kinh tế-xã hội, hoàn thành các mục tiêu Nghị quyết Đại hội XIII. Kiểm tra, thanh tra, kiểm toán các lĩnh vực có nhiều nguy cơ và dư luận về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; giải quyết kịp thời các vụ việc dư luận quan tâm, nhân dân bức xúc, nhưng hạn chế tối đa làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các cơ quan, doanh nghiệp.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kết luận của Bộ Chính trị về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong các dự án đất đai tại các kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án. Triển khai hiệu quả các Luật sửa đổi để tháo gỡ điểm nghẽn và Nghị quyết thí điểm cơ chế xử lý vật chứng trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sau khi được Quốc hội thông qua, góp phần khơi thông các nguồn lực, đưa các tài sản vào lưu thông, tránh thất thoát, lãng phí, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội. Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng.

Thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phục vụ thực hiện Chỉ thị 35 của Bộ Chính trị về tổ chức Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội thứ XIV của Đảng. Đẩy nhanh tiến độ điều tra, xử lý dứt điểm các vụ án, vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm.

Phân đầu từ nay đến hết năm 2024, kết thúc điều tra, truy tố, xét xử 12 vụ án; kết thúc xác minh, xử lý 2 vụ việc thuộc diện Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo. Nhất là, khẩn trương hoàn thành kết luận kiểm tra, thanh tra các chuyên đề, vụ việc; điều tra, xử lý dứt điểm các vụ án, vụ việc liên quan đến Công ty Xuyên Việt Oil, tập đoàn Điện lực Việt Nam, tập đoàn Thuận An, Phúc Sơn, Công ty AIC, dự án Sài Gòn - Đại Ninh (Lâm Đồng), sân bay Nha Trang...

Trong đó, chỉ đạo khẩn trương kiểm tra, làm rõ các trường hợp cán bộ, đảng viên có dấu hiệu vi phạm trong các vụ án, vụ việc có liên quan đến công tác nhân sự Đại hội đảng bộ các cấp với tinh thần khẩn trương, nghiêm túc nhưng cũng hết sức thận trọng, khách quan; kiên quyết không để lọt vào cấp ủy khóa mới những cán bộ suy thoái, tham nhũng, tiêu cực.

Nhấn mạnh việc xây dựng văn hoá liêm chính trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, Tổng Bí thư yêu cầu phải tạo sự lan tỏa mạnh mẽ trong toàn xã hội vấn đề này,

phải làm cho việc thực hành liêm chính, không tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trở thành việc làm tự giác, tự nguyện, “như cơm ăn, nước uống, áo mặc hàng ngày”; khuyến khích cán bộ, đảng viên, nhân dân tăng cường thực hành tiết kiệm, tạo thói quen quý trọng thời gian làm việc, tiền bạc, tài sản của Nhà nước, công sức của nhân dân.

Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ở địa phương, cơ sở phải tiếp tục có chuyển biến mạnh mẽ theo phương châm phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phải từ cơ sở, từ chi bộ. Khẩn trương sửa đổi, bổ sung chức năng của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh để chỉ đạo cả công tác phòng, chống lãng phí, tạo sự đồng bộ, thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

Tăng cường ứng dụng công nghệ, cải cách hành chính, xử lý hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp, “tham nhũng vặt”; khắc phục bệnh “sợ trách nhiệm”, đùn đẩy, né tránh, sợ sai không dám làm.



BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

*

Số 190-QĐ/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
về việc ban hành Quy chế bầu cử trong Đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XIII;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII,

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
QUYẾT ĐỊNH

1. Ban hành Quy chế bầu cử trong Đảng kèm theo Quyết định này.
2. Các cấp uỷ, tổ chức đảng có trách nhiệm chỉ đạo việc thực hiện Quy chế. Ban Bí thư hướng dẫn thực hiện Quy chế.
3. Quy chế này thay thế Quy chế bầu cử trong Đảng được ban hành kèm theo Quyết định số 244-QĐ/TW, ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ



Tô Lâm

QUY CHẾ BẦU CỬ TRONG ĐẢNG
(Kèm theo Quyết định số 190-QĐ/TW, ngày 10/10/2024
của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Quy chế này được áp dụng đối với việc bầu cử tại đại hội chi bộ, đại hội đảng bộ các cấp; bầu cử ở hội nghị ban chấp hành, hội nghị uỷ ban kiểm tra.

Việc bầu cử ở Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng do Đại hội quyết định.

Cấp uỷ, tổ chức đảng giới thiệu đảng viên ứng cử các chức danh lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ được vận dụng theo Quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc bầu cử

Việc bầu cử trong Đảng thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ; bình đẳng, trực tiếp, đa số quá bán. Kết quả bầu cử từ chi bộ đến đảng bộ trực thuộc Trung ương phải được chuẩn y của cấp uỷ có thẩm quyền theo quy định.

Điều 3. Hình thức bầu cử

1. Bỏ phiếu kín thực hiện trong các trường hợp:

- Bầu ban chấp hành đảng bộ, chi bộ (gọi tắt là cấp uỷ); bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

- Bầu ban thường vụ, bí thư, phó bí thư cấp uỷ.

- Bầu Bộ Chính trị, Tổng Bí thư, Ban Bí thư.

- Bầu uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra.

- Bầu đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.

- Lấy phiếu xin ý kiến về các ứng cử viên đề đưa vào danh sách bầu cử.

- Giới thiệu đảng viên ứng cử các chức danh lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

2. Biểu quyết giơ tay (sử dụng thẻ đảng viên để biểu quyết) thực hiện trong các trường hợp:

- Bầu các cơ quan điều hành, giúp việc đại hội, hội nghị (đoàn chủ tịch đại hội, đoàn thư ký, thư ký đại hội, chủ tịch hội nghị, ban thẩm tra tư cách đại biểu, ban kiểm phiếu).

- Thông qua số lượng và danh sách bầu cử.

Chương II

NHIỆM VỤ CỦA CẤP ỦY TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI, CÁC TỔ CHỨC ĐIỀU HÀNH VÀ GIÚP VIỆC ĐẠI HỘI TRONG CÔNG TÁC BẦU CỬ

Điều 4. Nhiệm vụ của cấp uỷ triệu tập đại hội

1. Chuẩn bị đề án nhân sự đại biểu dự đại hội cấp trên; đề án nhân sự cấp uỷ, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra và các điều kiện để tổ chức hội nghị ban chấp hành lần thứ nhất bầu ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra cấp mình theo quy định.

2. Tiếp nhận hồ sơ ứng cử vào cấp uỷ của đảng viên chính thức không phải là đại biểu đại hội (gửi đến cấp uỷ trước khi đại hội chính thức khai mạc chậm nhất là 15 ngày làm việc) để chỉ đạo thẩm tra và chuyển đoàn chủ tịch báo cáo đại hội xem xét, quyết định.

3. Thông báo số lượng đại biểu và phân bổ đại biểu cho các đảng bộ, chi bộ trực thuộc. Chỉ đạo việc bầu cử đại biểu bảo đảm đúng nguyên tắc, thủ tục quy định. Quyết định và thông báo thời gian khai mạc đại hội trước 30 ngày làm việc.

4. Cung cấp tài liệu cho ban thẩm tra tư cách đại biểu về tình hình, kết quả bầu cử đại biểu và những vấn đề liên quan đến tư cách đại biểu.

5. Cung cấp tài liệu cho đoàn chủ tịch để trả lời các vấn đề do đảng viên, đại biểu đại hội yêu cầu liên quan đến các ứng cử viên.

6. Chuẩn bị tài liệu cho cấp uỷ khoá mới để bầu các chức danh lãnh đạo của cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra khoá mới của cấp mình trong phiên họp lần thứ nhất.

7. Chuẩn bị số lượng, danh sách và nhân sự đoàn chủ tịch, chủ tịch đại hội, đoàn thư ký, thư ký đại hội, ban thẩm tra tư cách đại biểu để trình đại hội xem xét, biểu quyết thông qua.

Điều 5. Nhiệm vụ của đoàn chủ tịch, chủ tịch đại hội

1. Điều hành việc bầu cử.
2. Hướng dẫn đề đại hội thảo luận, quán triệt tiêu chuẩn cấp uỷ viên, số lượng, cơ cấu cấp uỷ; tiêu chuẩn, số lượng, cơ cấu đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.
3. Đề cử danh sách nhân sự do cấp uỷ triệu tập đại hội chuẩn bị. Hướng dẫn việc ứng cử, đề cử.
4. Tổng hợp danh sách những người ứng cử, được đề cử; đề xuất những trường hợp được rút và không được rút khỏi danh sách bầu cử, báo cáo đại hội xem xét, quyết định.
5. Lấy phiếu xin ý kiến của đại hội đối với những người ứng cử, được đề cử. Lập danh sách bầu cử, lấy biểu quyết của đại hội thông qua số lượng và danh sách bầu cử.
6. Giới thiệu danh sách ban kiểm phiếu, trưởng ban kiểm phiếu đề đại hội biểu quyết. Chỉ đạo hoạt động của ban kiểm phiếu, phổ biến quy tắc, thủ tục bầu cử trong đại hội.
7. Giải đáp những ý kiến của đại biểu về nhân sự trong quá trình chuẩn bị bầu cử.
8. Bảo đảm sự lãnh đạo của cấp uỷ cấp trên trực tiếp và chỉ đạo thực hiện đúng đề án nhân sự ban thường vụ cấp uỷ, bí thư, phó bí thư cấp uỷ đã được cấp có thẩm quyền thông qua cho đến khi bầu được ban thường vụ, bí thư, phó bí thư cấp uỷ khoá mới.

Điều 6. Nhiệm vụ của đoàn thư ký, thư ký đại hội

1. Ghi biên bản tổng hợp ý kiến thảo luận, dự thảo các văn bản kết luận, nghị quyết của đoàn chủ tịch, chủ tịch đại hội, của đại hội liên quan đến bầu cử.
2. Giúp đoàn chủ tịch, chủ tịch đại hội tổng hợp kết quả ứng cử, đề cử phục vụ cho việc lập danh sách bầu cử trước khi đại hội bầu ban kiểm phiếu.
3. Quản lý và phát tài liệu, ấn phẩm của đại hội theo sự chỉ đạo của đoàn chủ tịch, chủ tịch đại hội. Thu nhận, bảo quản và giúp đoàn chủ tịch, chủ tịch đại hội gửi đến cấp uỷ khoá mới (qua văn phòng cấp uỷ) đầy đủ hồ sơ, tài liệu, ấn phẩm của đại hội.

Điều 7. Nhiệm vụ của ban thẩm tra tư cách đại biểu của đại hội

1. Xem xét báo cáo của cấp uỷ triệu tập đại hội về việc chấp hành nguyên tắc, thủ tục, tình hình và kết quả bầu cử đại biểu; những vấn đề có liên quan đến tư cách đại biểu.

2. Xem xét, kết luận các đơn, thư khiếu nại, tố cáo về tư cách đại biểu do cấp uỷ các cấp giải quyết; báo cáo với đoàn chủ tịch để trình đại hội xem xét, quyết định về những trường hợp không được công nhận tư cách đại biểu, những trường hợp có đơn xin rút khỏi danh sách đại biểu và việc chuyển đại biểu dự khuyết thành đại biểu chính thức đã được triệu tập.

3. Báo cáo với đại hội kết quả thẩm tra tư cách đại biểu để đại hội xem xét, biểu quyết công nhận.

Điều 8. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu là cơ quan giúp việc bầu cử của đại hội do đoàn chủ tịch, chủ tịch đại hội giới thiệu, đại hội biểu quyết thông qua. Ban kiểm phiếu gồm một số đại biểu chính thức trong đại hội đại biểu, hoặc một số đảng viên chính thức trong đại hội đảng viên không có tên trong danh sách bầu cử.

Số lượng, danh sách thành viên và trưởng ban kiểm phiếu ở đại hội các cấp do đoàn chủ tịch, chủ tịch đại hội lựa chọn, giới thiệu; đại hội biểu quyết thông qua.

Trưởng ban kiểm phiếu điều hành hoạt động của ban kiểm phiếu, phân công nhiệm vụ cho các thành viên; chịu trách nhiệm trước đoàn chủ tịch, chủ tịch đại hội về hoạt động của ban kiểm phiếu.

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Hướng dẫn cách thức bỏ phiếu, kiểm tra, niêm phong thùng phiếu, phát phiếu trực tiếp cho đại biểu (hoặc theo đoàn đại biểu), kiểm số phiếu phát ra và số phiếu thu về báo cáo đại hội, kiểm phiếu bầu.

- Xem xét và kết luận về các phiếu không hợp lệ và những ý kiến khiếu nại về việc bầu cử trong đại hội.

- Lập biên bản kiểm phiếu báo cáo với đoàn chủ tịch, chủ tịch đại hội và công bố kết quả bầu cử; ký vào biên bản bầu cử, niêm phong phiếu bầu và chuyển cho đoàn chủ tịch, chủ tịch đại hội để bàn giao cho cấp uỷ khoá mới lưu trữ theo quy định.

Nếu kiểm phiếu bằng máy vi tính, ban kiểm phiếu được sử dụng một số nhân viên kỹ thuật không phải là đại biểu đại hội. Nhân viên kỹ thuật phục vụ việc kiểm phiếu do ban kiểm phiếu trực tiếp điều hành và giám sát.

- Ngoài ban kiểm phiếu và nhân viên kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ kiểm phiếu, không ai được đến nơi ban kiểm phiếu đang làm việc.

Chương III

ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ, BẦU CỬ, DANH SÁCH BẦU CỬ, PHIẾU BẦU CỬ

Điều 9. Ứng cử và thủ tục ứng cử

1. Ứng cử được áp dụng trong các trường hợp sau:

a) Đảng viên chính thức ứng cử tại đại hội đảng viên mà mình là thành viên của tổ chức đảng đó. Đại biểu chính thức của đại hội ứng cử tại đại hội đại biểu.

b) Đảng viên chính thức không phải là đại biểu đại hội làm đơn ứng cử ở đại hội tổ chức cơ sở đảng hoặc làm hồ sơ ứng cử để được bầu vào cấp uỷ của đại hội đại biểu từ cấp huyện và tương đương trở lên.

c) Ủy viên ban chấp hành ứng cử để được bầu vào ban thường vụ; ủy viên ban thường vụ ứng cử để được bầu làm bí thư, phó bí thư; trường hợp cấp uỷ chỉ bầu bí thư, phó bí thư, không bầu ban thường vụ thì cấp uỷ viên có quyền ứng cử để được bầu làm bí thư, phó bí thư (trừ các trường hợp quy định tại Điều 11 của Quy chế này). Trường hợp đại hội chỉ bộ không bầu chỉ uỷ, đảng viên chính thức có quyền ứng cử để được bầu làm bí thư, phó bí thư.

d) Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng ứng cử để được bầu vào Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Ủy viên Bộ Chính trị ứng cử để được bầu làm Tổng Bí thư (trừ các trường hợp quy định tại Điều 11 của Quy chế này).

đ) Cấp uỷ viên ứng cử để được bầu vào uỷ ban kiểm tra, uỷ viên ban thường vụ ứng cử để được bầu làm chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ cấp mình (trừ các trường hợp quy định tại Điều 11 của Quy chế này).

e) Ủy viên uỷ ban kiểm tra ứng cử để được bầu làm phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra.

2. Thủ tục ứng cử:

a) Đảng viên chính thức ở đại hội đảng viên ứng cử trực tiếp tại đại hội hoặc gửi đơn tới đoàn chủ tịch đại hội. Ở đại hội đại biểu cấp cơ sở, đảng viên chính thức không phải là đại biểu đại hội nếu ứng cử thì làm đơn ứng cử nộp cho cấp uỷ cơ sở.

b) Đại biểu chính thức ở đại hội đại biểu ứng cử trực tiếp tại đại hội hoặc gửi đơn tới đoàn chủ tịch đại hội.

c) Cấp uỷ viên ứng cử trực tiếp tại hội nghị cấp uỷ để được bầu vào ban thường vụ (Bộ Chính trị, Ban Bí thư), uỷ viên uỷ ban kiểm tra.

d) Uỷ viên uỷ ban kiểm tra ứng cử trực tiếp tại hội nghị uỷ ban kiểm tra để được bầu làm phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra.

đ) Đảng viên không phải là đại biểu của đại hội nếu ứng cử vào cấp uỷ từ cấp huyện và tương đương trở lên, thì chậm nhất là 15 ngày làm việc trước ngày khai mạc đại hội phải hoàn chỉnh hồ sơ ứng cử nộp cơ quan tổ chức của cấp uỷ triệu tập đại hội. Hồ sơ ứng cử gồm có:

- Đơn ứng cử.
- Bản khai lý lịch được xác nhận của cấp uỷ cơ sở.
- Bản kê khai tài sản, thu nhập của cá nhân và gia đình theo quy định.
- Giấy chứng nhận sức khỏe.
- Bản nhận xét của cấp uỷ cơ sở nơi sinh hoạt, công tác và nơi cư trú theo quy định.
- Kết luận tiêu chuẩn chính trị của cấp uỷ có thẩm quyền theo quy định.
- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị (có xác nhận của cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ hoặc của cấp có thẩm quyền).

Cấp uỷ cơ sở nơi đảng viên sinh hoạt và nơi đảng viên cư trú có trách nhiệm xác nhận, nhận xét về người ứng cử. Những vấn đề cần thẩm tra, xác minh nếu vượt quá thẩm quyền thì đề nghị cấp uỷ cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định.

Cơ quan tổ chức của cấp uỷ triệu tập đại hội có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và tư cách của người ứng cử.

Điều 10. Đề cử và thủ tục đề cử

1. Đề cử được áp dụng trong các trường hợp sau:

a) Đoàn chủ tịch (chủ tịch) đại hội (hội nghị) đề cử danh sách nhân sự do cấp uỷ triệu tập đại hội (hội nghị) chuẩn bị.

b) Ở đại hội đảng viên, đảng viên chính thức, đảng viên sinh hoạt tạm thời và đảng viên dự bị đều có quyền đề cử đảng viên chính thức của đảng bộ, chi bộ

để được bầu làm đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên hoặc để được bầu vào cấp uỷ cấp mình.

c) Ở đại hội đại biểu, đại biểu chính thức đề cử những đảng viên là đại biểu và những đảng viên chính thức không phải là đại biểu của đại hội đảng bộ cấp mình để được bầu vào cấp uỷ; đề cử đại biểu chính thức của đại hội cấp mình để được bầu làm đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.

d) Uỷ viên ban chấp hành đề cử uỷ viên ban chấp hành khác để được bầu vào ban thường vụ tại hội nghị ban chấp hành; đề cử uỷ viên ban thường vụ để được bầu làm bí thư, phó bí thư (trừ các trường hợp quy định tại Điều 11 của Quy chế này).

đ) Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng đề cử Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khác để được bầu vào Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương; đề cử Uỷ viên Bộ Chính trị để được bầu làm Tổng Bí thư (trừ các trường hợp quy định tại Điều 11 của Quy chế này).

e) Uỷ viên ban chấp hành đề cử uỷ viên ban chấp hành khác để được bầu làm uỷ viên uỷ ban kiểm tra; đề cử uỷ viên uỷ ban kiểm tra để được bầu làm chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra (trừ các trường hợp quy định tại Điều 11 của Quy chế này).

g) Uỷ viên uỷ ban kiểm tra đề cử uỷ viên uỷ ban kiểm tra khác để được bầu làm phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra.

2. Thủ tục đề cử:

a) Ở đại hội đảng viên, đảng viên đề cử đảng viên chính thức của tổ chức đảng cấp mình bằng hình thức đề cử trực tiếp hoặc bằng văn bản gửi đoàn chủ tịch đại hội. Ở đại hội đại biểu cấp cơ sở, việc đề cử đảng viên chính thức không phải là đại biểu chính thức của đại hội để được bầu vào cấp uỷ bằng văn bản, có ý kiến đồng ý của người được đề cử.

b) Ở đại hội đại biểu cấp huyện và tương đương trở lên, đại biểu chính thức của đại hội đề cử những đảng viên là đại biểu và những đảng viên chính thức không phải là đại biểu của đại hội đảng bộ cấp mình để được bầu vào cấp uỷ; đề cử đại biểu chính thức của đại hội cấp mình để được bầu làm đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.

Đại biểu chính thức của đại hội khi đề cử đảng viên không phải là đại biểu của đại hội để bầu vào cấp uỷ thì phải đề cử bằng văn bản kèm hồ sơ của người đó theo quy định và phải được sự đồng ý của người được đề cử bằng văn bản.

c) Cấp uỷ triệu tập đại hội có nhiệm vụ giúp đại hội thẩm tra, xác minh lý lịch, tiêu chuẩn của người được đề cử, ứng cử tại đại hội.

3. Người đề cử nhân sự tham gia cấp uỷ tại đại hội phải chịu trách nhiệm trước đại hội về tiêu chuẩn, điều kiện tham gia cấp uỷ của người mà mình đề cử. Sau đại hội, nếu xác minh người được đề cử không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định thì tuỳ theo mức độ vi phạm, người đề cử sẽ bị xem xét xử lý theo quy định của Đảng.

Điều 11. Việc ứng cử, đề cử của cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ, Uỷ viên Bộ Chính trị, Uỷ viên Ban Bí thư

1. Cấp uỷ viên cấp triệu tập đại hội không được đề cử nhân sự ngoài danh sách do cấp uỷ đề cử; không được ứng cử và nhận đề cử nếu không có tên trong danh sách đề cử của cấp uỷ.

2. Ở các hội nghị của ban chấp hành, uỷ viên ban thường vụ không được đề cử nhân sự ngoài danh sách do ban thường vụ cấp uỷ đề cử; không được ứng cử và nhận đề cử nếu không có tên trong danh sách đề cử của ban thường vụ cấp uỷ.

3. Ở các hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị, Uỷ viên Ban Bí thư không được đề cử nhân sự ngoài danh sách do Bộ Chính trị đề cử; không được ứng cử và nhận đề cử nếu không có tên trong danh sách đề cử của Bộ Chính trị.

Điều 12. Ứng cử, đề cử làm đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp

1. Ở đại hội đảng viên, chỉ đảng viên chính thức mới được ứng cử ở đại hội cấp mình để đại hội bầu làm đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên. Đảng viên chính thức, đảng viên sinh hoạt tạm thời và đảng viên dự bị có quyền đề cử đảng viên chính thức để đại hội bầu làm đại biểu dự đại hội cấp trên.

2. Ở đại hội đại biểu, chỉ đại biểu chính thức mới được ứng cử, đề cử đại biểu chính thức ở đại hội cấp mình để đại hội bầu làm đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.

3. Đoàn chủ tịch đại hội đề cử nhân sự do cấp uỷ triệu tập đại hội chuẩn bị để đại hội bầu làm đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.

Điều 13. Quyền bầu cử

1. Chỉ đại biểu chính thức của đại hội đại biểu các cấp và đảng viên chính thức của đại hội đảng viên mới có quyền bầu cấp uỷ cấp mình và bầu đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.

2. Ở đại hội đảng viên, đảng viên sinh hoạt tạm thời và đảng viên dự bị không có quyền bầu cử.

Điều 14. Quy định về số dư và danh sách bầu cử

1. Số lượng ứng cử viên trong danh sách bầu cử cấp uỷ và ban thường vụ cấp uỷ phải nhiều hơn số lượng cần bầu; số dư tối đa do đại hội (hội nghị) quyết định nhưng không quá 30% số lượng cần bầu, trong đó cấp uỷ triệu tập đại hội (hội nghị) chuẩn bị số lượng nhân sự cấp uỷ và ban thường vụ có số dư từ 10% - 15%.

2. Danh sách ứng cử viên do cấp uỷ cấp triệu tập đại hội (hội nghị) chuẩn bị là danh sách đề cử chính thức với đại hội (hội nghị).

3. Đại hội (hội nghị) thảo luận và biểu quyết lập danh sách như sau:

- Người ứng cử, người được đề cử mà không được cấp uỷ triệu tập đại hội đề cử phải bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và phải được từ trên 30% tổng số đại biểu (đảng viên) dự đại hội (hội nghị) đồng ý giới thiệu mới được đưa vào danh sách đề đại hội (hội nghị) xem xét, quyết định.

- Trường hợp danh sách gồm nhân sự do cấp uỷ triệu tập đại hội đề cử, do đại biểu đại hội (hội nghị) đề cử và người ứng cử chưa đủ số dư 30% so với số lượng cần bầu thì đại hội (hội nghị) quyết định.

- Trường hợp danh sách gồm nhân sự do cấp uỷ triệu tập đề cử, do đại biểu đại hội (hội nghị) đề cử và người ứng cử nhiều hơn 30% so với số lượng cần bầu thì xin ý kiến đại hội (hội nghị) về những người được đại biểu đại hội (hội nghị) đề cử và người ứng cử. Căn cứ kết quả xin ý kiến, lựa chọn theo số phiếu đồng ý từ cao đến thấp để lập danh sách bầu cử có số dư tối đa không quá 30% so với số lượng cần bầu.

Trường hợp nhân sự đề cử, ứng cử nhiều hơn 30% số lượng cần bầu do cuối danh sách có nhiều người có số phiếu bằng nhau thì đại hội (hội nghị) xem xét, quyết định lựa chọn theo thứ tự ưu tiên cơ cấu, tuổi đảng (trường hợp có tuổi đảng bằng nhau thì đều được đưa vào danh sách bầu cử).

4. Danh sách bầu cử xếp thứ tự tên người theo vần A, B, C..., nếu có nhiều người trùng tên thì xếp theo họ; nếu trùng cả họ thì xếp theo tên đệm; nếu cả 3 dữ kiện này đều trùng thì người có tuổi đảng cao hơn được xếp tên trên.

5. Trường hợp cần bầu lấy số lượng từ 1 đến 6 người, danh sách bầu cử có số dư tối đa là 1 người.

6. Nếu bầu một lần chưa đủ số lượng quy định, có bầu tiếp hay không do đại hội (hội nghị) quyết định. Danh sách bầu cử lần sau phải có số dư lấy theo kết quả bầu cử lần trước từ cao đến thấp của những người chưa trúng cử.

Điều 15. Phiếu bầu cử

1. Phiếu bầu in họ và tên những người trong danh sách bầu cử (nơi không có điều kiện in phiếu, ban kiểm phiếu đại hội ghi danh sách bầu cử trên phiếu); đóng dấu của cấp uỷ triệu tập đại hội ở góc trái phía trên của phiếu bầu, chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở (hoặc đảng bộ bộ phận) thì đóng dấu của cấp uỷ cơ sở.

Trường hợp danh sách bầu có số dư, phiếu bầu được chia làm 2 cột là: Số thứ tự, họ và tên. Người bầu cử nếu không bầu cho ai trong danh sách bầu cử thì gạch giữa cả chữ họ và tên của người mà mình không bầu.

Trường hợp danh sách bầu không có số dư, phiếu bầu được chia làm 4 cột là: Số thứ tự, họ và tên; đồng ý; không đồng ý. Người bầu cử lựa chọn để đánh dấu X vào ô đồng ý hoặc ô không đồng ý tương ứng với họ và tên người trong danh sách bầu cử.

2. Phiếu hợp lệ và không hợp lệ:

- Phiếu hợp lệ là phiếu do ban kiểm phiếu phát ra, phiếu bầu đủ hoặc thiếu số lượng cần bầu; phiếu bầu mà danh sách bầu cử chỉ có một người, người bầu cử đánh dấu X vào một trong hai ô đồng ý hoặc không đồng ý; phiếu bầu nhiều người mà không có số dư, người bầu cử đánh dấu X vào cả hai ô (đồng ý và không đồng ý) hoặc không đánh dấu X vào cả hai ô (đồng ý và không đồng ý) tương ứng với họ và tên của một người hoặc một số người trong danh sách bầu cử.

- Phiếu không hợp lệ là phiếu không do ban kiểm phiếu phát ra; phiếu bầu nhiều hơn số lượng quy định; phiếu không bầu cho ai trong danh sách bầu cử nhiều người; phiếu đánh dấu X vào cả ô đồng ý và ô không đồng ý hoặc để trống cả hai ô trong danh sách bầu cử chỉ có một người; phiếu đánh dấu X vào cả ô đồng ý và ô không đồng ý tương ứng với họ và tên của tất cả những người trong danh sách bầu cử có nhiều người; phiếu bầu người ngoài danh sách bầu cử; phiếu có đánh dấu hoặc dùng nhiều loại mực; phiếu ký tên hoặc viết thêm.

Điều 16. Danh sách trích ngang của các ứng cử viên

Từ đại hội đảng bộ cơ sở trở lên, trước khi tiến hành bỏ phiếu chính thức, đoàn chủ tịch đại hội cung cấp danh sách trích ngang của các ứng cử viên (xếp thứ tự như danh sách bầu cử) để đại biểu nghiên cứu trước.

Chương IV **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC BẦU CỬ**

Điều 17. Bầu cấp uỷ

1. Đoàn chủ tịch đại hội báo cáo với đại hội về yêu cầu, tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng của cấp uỷ khoá mới do cấp uỷ cấp triệu tập đại hội chuẩn bị, đại hội thảo luận về yêu cầu, tiêu chuẩn, cơ cấu cấp uỷ khoá mới, biểu quyết về số lượng cấp uỷ viên (theo sự chỉ đạo và hướng dẫn của cấp uỷ cấp trên về khung số lượng cấp uỷ viên ở mỗi đảng bộ).

2. Đoàn chủ tịch đại hội đề cử danh sách nhân sự do cấp uỷ cấp triệu tập đại hội chuẩn bị.

3. Tiến hành ứng cử, đề cử.

4. Đoàn chủ tịch tổng hợp danh sách những người ứng cử, được đề cử, đề xuất những trường hợp được rút và không được rút khỏi danh sách bầu cử, báo cáo đại hội xem xét, quyết định.

Lấy phiếu xin ý kiến của đại hội đối với các trường hợp ứng cử, được đề cử.

5. Lập danh sách bầu cử; lấy biểu quyết của đại hội thông qua số lượng và danh sách bầu cử.

6. Đoàn chủ tịch giới thiệu danh sách ban kiểm phiếu gồm một trưởng ban và một số uỷ viên là những đại biểu không có tên trong danh sách bầu cử. Đại hội biểu quyết thông qua danh sách ban kiểm phiếu.

7. Ban kiểm phiếu hướng dẫn cách thức bỏ phiếu; kiểm tra và niêm phong thùng phiếu trước khi bỏ phiếu; phát phiếu bầu cử cho đại biểu. Đại hội tiến hành bầu cử; ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tổng số phiếu phát ra, thu về báo cáo đại hội; kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử cấp uỷ khoá mới.

8. Đại hội chi bộ trực tiếp bầu chi uỷ, sau đó bầu bí thư, phó bí thư trong số chi uỷ viên; nơi không bầu chi uỷ thì chi bộ bầu bí thư, nếu cần thì bầu một phó bí thư chi bộ.

9. Đại hội đảng bộ từ cấp cơ sở đến đảng bộ trực thuộc Trung ương, nếu thực hiện việc bầu trực tiếp chức danh bí thư thì sau khi bầu cử cấp uỷ, tiến hành lấy phiếu giới thiệu của đảng viên hoặc đại biểu của đại hội đối với chức danh bí thư; tổng hợp phiếu giới thiệu, báo cáo với cấp uỷ cấp trên trước khi tiến hành bầu cử chức danh bí thư. Sau khi cấp uỷ cấp trên có ý kiến chỉ đạo mới tiến hành bầu cử chức danh bí thư.

Điều 18. Bầu đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên

1. Khi bầu đại biểu dự đại hội đại biểu đảng bộ cấp trên, danh sách bầu đại biểu chính thức và dự khuyết được lập chung một danh sách; bầu đại biểu chính thức trước, số còn lại bầu đại biểu dự khuyết. Trường hợp bầu đại biểu chính thức đã đủ số lượng mà vẫn còn một số đại biểu có số phiếu được bầu nhiều hơn một nửa so với số đảng viên được triệu tập hoặc nhiều hơn một nửa so với số đại biểu được triệu tập, thì đại biểu dự khuyết được lấy trong số các đại biểu đó theo kết quả được bầu từ cao xuống thấp. Nếu còn thiếu đại biểu dự khuyết theo quy định, có bầu tiếp hay không bầu tiếp do đại hội quyết định.

2. Danh sách bầu cử lần sau có giới thiệu bổ sung đại biểu ngoài danh sách bầu cử lần trước hay không do đại hội quyết định.

Điều 19. Bầu đoàn chủ tịch hoặc chủ tịch hội nghị ở phiên họp đầu tiên của cấp uỷ khoá mới

1. Đồng chí bí thư hoặc phó bí thư khoá trước được tái cử hoặc đồng chí được cấp uỷ cấp trên uỷ nhiệm (nếu bí thư, phó bí thư khoá trước không tái cử) làm triệu tập viên, khai mạc và chủ trì phiên họp cho đến khi bầu xong đoàn chủ tịch hoặc chủ tịch hội nghị. Riêng ở Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 23 Quy chế này.

2. Bầu đoàn chủ tịch hoặc chủ tịch hội nghị với số lượng từ 1 đến 3 đồng chí; Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng là 5 đồng chí.

3. Đoàn chủ tịch hoặc chủ tịch hội nghị (sau đây gọi chung là đoàn chủ tịch) báo cáo đề cấp uỷ thông qua chương trình làm việc và tiến hành các thủ tục bầu cử.

Điều 20. Bầu ban thường vụ

Số lượng uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ được bầu thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị và hướng dẫn của cấp uỷ cấp trên, nhiều nhất không quá 1/3 số lượng cấp uỷ viên do đại hội đã bầu.

1. Đoàn chủ tịch hội nghị báo cáo về yêu cầu, tiêu chuẩn, cơ cấu và đề nghị số lượng uỷ viên ban thường vụ cần bầu.

2. Hội nghị cấp uỷ thảo luận về yêu cầu, tiêu chuẩn, cơ cấu ban thường vụ, biểu quyết số lượng uỷ viên ban thường vụ.

3. Đoàn chủ tịch báo cáo danh sách những đồng chí được cấp uỷ khoá trước giới thiệu vào ban thường vụ khoá mới.

4. Tiến hành ứng cử, đề cử.

5. Hợp tổ đề thảo luận (nếu cần).

6. Đoàn chủ tịch báo cáo tổng hợp danh sách ứng cử, đề cử; đề xuất những trường hợp được rút và không được rút khỏi danh sách bầu cử, báo cáo hội nghị xem xét, quyết định.

Lấy phiếu xin ý kiến của hội nghị đối với những người ứng cử, được đề cử tại hội nghị (nếu cần).

7. Lập danh sách bầu cử, hội nghị biểu quyết thông qua số lượng và danh sách bầu cử ban thường vụ.

8. Bầu cử, kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử.

Điều 21. Bầu bí thư, phó bí thư cấp uỷ

Những đồng chí ứng cử hoặc được đề cử vào danh sách đề bầu giữ chức vụ bí thư, phó bí thư phải là những đồng chí đã trúng cử uỷ viên ban thường vụ; nơi không có ban thường vụ thì những đồng chí ứng cử, được đề cử giữ chức vụ bí thư, phó bí thư phải là những đồng chí đã trúng cử cấp uỷ viên.

Số lượng phó bí thư được bầu ở mỗi cấp uỷ thực hiện theo quy định của Trung ương và hướng dẫn của cấp uỷ cấp trên.

1. Đoàn chủ tịch hội nghị báo cáo về yêu cầu bầu bí thư, phó bí thư.

2. Đoàn chủ tịch báo cáo với hội nghị những đồng chí được cấp uỷ khoá trước và cấp uỷ cấp trên trực tiếp giới thiệu để được bầu giữ chức bí thư, phó bí thư; báo cáo kết quả phiếu giới thiệu của đại hội đối với chức danh bí thư (nếu có).

3. Tiến hành ứng cử, đề cử.

4. Đoàn chủ tịch báo cáo tổng hợp danh sách ứng cử, đề cử; đề xuất những trường hợp được rút và không được rút khỏi danh sách bầu cử, báo cáo hội nghị xem xét, quyết định.

Lấy phiếu xin ý kiến của hội nghị đối với những người tự ứng cử, được đề cử tại hội nghị (nếu cần).

5. Lập danh sách bầu cử; hội nghị biểu quyết danh sách bầu cử bí thư, phó bí thư.

6. Bầu cử (bầu bí thư trước, bầu phó bí thư sau).

7. Kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử.

Sau khi được bầu, bí thư điều hành ngay công việc của cấp uỷ khoá mới, được ký văn bản với chức danh bí thư; bí thư khoá trước bàn giao công việc cho bí thư mới trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi có bí thư mới. Trường hợp

chưa bầu được chức danh bí thư thì cấp uỷ khoá mới thống nhất phân công một đồng chí phó bí thư ký các văn bản với chức danh phó bí thư.

Đồng chí phó bí thư đảng uỷ quân sự cấp tỉnh, cấp huyện được ký các văn bản với chức danh phó bí thư ngay sau khi được bầu.

Điều 22. Bầu uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra

Uỷ ban kiểm tra các cấp được lập từ đảng uỷ cơ sở trở lên, do hội nghị cấp uỷ cùng cấp bầu; thành viên uỷ ban kiểm tra gồm một số đồng chí trong cấp uỷ và một số đồng chí ngoài cấp uỷ. Đại hội chi bộ, đảng uỷ bộ phận không bầu uỷ ban kiểm tra.

1. Đoàn chủ tịch báo cáo với hội nghị về tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng uỷ viên uỷ ban kiểm tra theo quy định, hướng dẫn của Trung ương và cấp uỷ cấp trên trực tiếp đề hội nghị xem xét, quyết định.

2. Hội nghị thảo luận về yêu cầu, tiêu chuẩn, cơ cấu, biểu quyết số lượng uỷ viên uỷ ban kiểm tra.

3. Đoàn chủ tịch báo cáo với hội nghị danh sách những đồng chí được cấp uỷ khoá trước giới thiệu đề bầu uỷ ban kiểm tra và chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra và ý kiến của ban thường vụ khoá mới.

4. Tiến hành ứng cử, đề cử.

5. Đoàn chủ tịch tổng hợp danh sách những người ứng cử, được đề cử, đề xuất những trường hợp được rút và không được rút khỏi danh sách bầu cử, báo cáo hội nghị xem xét, quyết định.

Lấy phiếu xin ý kiến của hội nghị đối với những người ứng cử, được đề cử tại hội nghị (nếu cần).

6. Lập danh sách bầu cử, hội nghị biểu quyết thông qua số lượng và danh sách bầu cử.

7. Bầu uỷ viên uỷ ban kiểm tra trước, sau đó bầu chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra trong số uỷ viên uỷ ban kiểm tra.

8. Kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử.

9. Uỷ ban kiểm tra bầu phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra trong số uỷ viên uỷ ban kiểm tra đã được bầu.

Sau khi được bầu, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra điều hành ngay công việc của uỷ ban kiểm tra khoá mới, được ký các văn bản với chức danh chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra.

Điều 23. Bầu Bộ Chính trị

1. Phiên họp thứ nhất của Ban Chấp hành Trung ương Đảng do đồng chí Tổng Bí thư khoá trước (tái cử hoặc không tái cử) làm triệu tập viên khai mạc và chủ trì cho đến khi bầu xong Đoàn Chủ tịch hội nghị.

Trường hợp đồng chí Tổng Bí thư khoá trước không thể làm triệu tập viên thì Đoàn Chủ tịch Đại hội cử triệu tập viên.

2. Đoàn Chủ tịch Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng báo cáo về đề án và đề nghị số lượng Ủy viên Bộ Chính trị cần bầu.

3. Hội nghị thảo luận, biểu quyết về số lượng Ủy viên Bộ Chính trị.

4. Đoàn Chủ tịch báo cáo danh sách những đồng chí được Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá trước đề cử vào Bộ Chính trị.

5. Tiến hành ứng cử, đề cử.

6. Hợp tổ để thảo luận.

7. Đoàn Chủ tịch tổng hợp danh sách những người tự ứng cử, được đề cử; đề xuất những trường hợp được rút và không được rút khỏi danh sách bầu cử, báo cáo hội nghị xem xét, quyết định.

Lấy phiếu xin ý kiến của hội nghị đối với những người ứng cử, được đề cử tại hội nghị (nếu cần).

8. Lập danh sách bầu cử, hội nghị biểu quyết thông qua số lượng và danh sách bầu cử Bộ Chính trị.

9. Bầu cử, kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử.

Điều 24. Bầu Tổng Bí thư

1. Đoàn Chủ tịch báo cáo về yêu cầu, tiêu chuẩn Tổng Bí thư và dự kiến nhân sự Tổng Bí thư được Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá trước giới thiệu, ý kiến giới thiệu của Bộ Chính trị khoá mới, kết quả giới thiệu nhân sự Tổng Bí thư của Đại hội để hội nghị tham khảo.

2. Hợp tổ để thảo luận và tiến hành ứng cử, đề cử.

3. Đoàn Chủ tịch tổng hợp danh sách những người tự ứng cử, được đề cử; đề xuất những trường hợp được rút và không được rút khỏi danh sách bầu cử, báo cáo hội nghị xem xét, quyết định.

Lấy phiếu xin ý kiến của hội nghị đối với những người ứng cử, được đề cử tại hội nghị (nếu cần).

4. Lập danh sách bầu cử, hội nghị biểu quyết thông qua số lượng và danh sách bầu cử.

5. Bầu cử, kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử.

Điều 25. Bầu Ban Bí thư

1. Đồng chí Tổng Bí thư thay mặt Đoàn Chủ tịch Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng báo cáo về đề án và đề nghị số lượng Ủy viên Ban Bí thư cần bầu.

2. Hội nghị thảo luận, biểu quyết về số lượng Ủy viên Ban Bí thư.

3. Đoàn Chủ tịch báo cáo danh sách những đồng chí được Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá trước đề cử vào Ban Bí thư.

4. Tiến hành ứng cử, đề cử.

5. Họp tổ để thảo luận.

6. Đoàn Chủ tịch tổng hợp danh sách những người tự ứng cử, được đề cử; đề xuất những trường hợp được rút và không được rút khỏi danh sách bầu cử, báo cáo hội nghị xem xét, quyết định.

Lấy phiếu xin ý kiến của hội nghị đối với những người tự ứng cử, được đề cử tại hội nghị (nếu cần).

7. Lập danh sách bầu cử, hội nghị biểu quyết thông qua số lượng và danh sách bầu cử Ban Bí thư.

8. Bầu cử, kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử.

Điều 26. Bầu Ủy ban Kiểm tra Trung ương

1. Đoàn Chủ tịch báo cáo về tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương để hội nghị xem xét, quyết định.

2. Hội nghị tiến hành biểu quyết về số lượng Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

3. Đoàn Chủ tịch đề cử danh sách do Bộ Chính trị khoá trước giới thiệu bầu Ủy ban Kiểm tra Trung ương và ý kiến của Bộ Chính trị khoá mới.

4. Tiến hành ứng cử, đề cử.

5. Đoàn Chủ tịch tổng hợp danh sách những người tự ứng cử, được đề cử; đề xuất những trường hợp được rút và không được rút khỏi danh sách bầu cử, báo cáo hội nghị xem xét, quyết định.

Lấy phiếu xin ý kiến của hội nghị đối với những người ứng cử, được đề cử tại hội nghị (nếu cần).

6. Lập danh sách bầu cử; hội nghị biểu quyết thông qua số lượng và danh sách bầu cử.

7. Bầu cử, kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử.

Điều 27. Bầu Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương

1. Đoàn Chủ tịch báo cáo về yêu cầu, tiêu chuẩn Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương; nhân sự được Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá trước dự kiến giới thiệu (nếu có) và ý kiến giới thiệu của Bộ Chính trị khoá mới.

2. Tiến hành ứng cử, đề cử.

3. Đoàn Chủ tịch tổng hợp danh sách những người tự ứng cử, được đề cử; đề xuất những trường hợp được rút và không được rút khỏi danh sách bầu cử, báo cáo hội nghị xem xét, quyết định.

Lấy phiếu xin ý kiến của hội nghị đối với các trường hợp tự ứng cử, được đề cử tại hội nghị (nếu cần).

4. Lập danh sách bầu cử, hội nghị biểu quyết thông qua số lượng và danh sách bầu cử.

5. Bầu cử, kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử.

Điều 28. Bầu bổ sung uỷ viên ban thường vụ; bí thư, phó bí thư, uỷ viên uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra

1. Ban thường vụ cấp uỷ báo cáo về yêu cầu bầu bổ sung ban thường vụ, bí thư, phó bí thư; uỷ viên uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ.

2. Ban thường vụ cấp uỷ báo cáo danh sách những đồng chí được ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ cấp trên trực tiếp giới thiệu để được bầu bổ sung vào ban thường vụ, bí thư, phó bí thư; uỷ viên uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra.

3. Tiến hành ứng cử, đề cử.

4. Ban thường vụ cấp uỷ tổng hợp danh sách ứng cử, đề cử; đề xuất những trường hợp được rút và không được rút khỏi danh sách bầu cử, báo cáo hội nghị xem xét, quyết định.

Lấy phiếu xin ý kiến của hội nghị đối với các trường hợp tự ứng cử, được đề cử tại hội nghị (nếu cần).

5. Lập danh sách bầu cử, hội nghị biểu quyết thông qua số lượng và danh sách bầu cử.

6. Bầu cử, kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử.

Điều 29. Bầu Tổng Bí thư (khi có yêu cầu); bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương

1. Bộ Chính trị báo cáo về yêu cầu bầu Tổng Bí thư; bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng chính thức (chuyển từ dự khuyết lên chính thức), Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

2. Bộ Chính trị báo cáo danh sách những đồng chí được Bộ Chính trị giới thiệu để được bầu làm Tổng Bí thư; bầu bổ sung làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng chính thức, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

3. Tiến hành ứng cử, đề cử.

4. Họp tổ để thảo luận (nếu cần).

5. Bộ Chính trị tổng hợp danh sách những người tự ứng cử, được đề cử; đề xuất những trường hợp được rút và không được rút khỏi danh sách bầu cử, báo cáo hội nghị xem xét, quyết định.

Lấy phiếu xin ý kiến của hội nghị đối với những người tự ứng cử, được đề cử tại hội nghị (nếu cần).

6. Lập danh sách bầu cử; hội nghị biểu quyết thông qua số lượng và danh sách bầu cử.

7. Bầu cử, kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử.

Chương V

TÍNH KẾT QUẢ VÀ CHUẨN Y KẾT QUẢ BẦU CỬ

Điều 30. Tính kết quả bầu cử

1. Kết quả bầu cử được tính trên số phiếu bầu hợp lệ; phiếu hợp lệ là phiếu được quy định tại Điều 15 của Quy chế này. Trường hợp phiếu bầu nhiều người mà không có số dư, người bầu cử đánh dấu X vào cả ô đồng ý và ô không đồng ý hoặc không đánh dấu X vào cả hai ô đồng ý, không đồng ý tương ứng với họ và tên người nào thì không tính vào kết quả bầu cử của người đó (phiếu đó vẫn được tính là phiếu hợp lệ).

2. Đối với đại hội đảng viên: Người trúng cử phải đạt số phiếu bầu quá một nửa so với tổng số đảng viên chính thức của đảng bộ, chi bộ được triệu tập

trừ số đảng viên đã được giới thiệu sinh hoạt tạm thời ở đảng bộ khác, đảng viên đã được miễn công tác và sinh hoạt đảng không có mặt ở đại hội (nếu đảng viên đó có mặt ở đại hội, hội nghị đảng viên, tham gia bầu cử, biểu quyết thì vẫn tính), số đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng, bị khởi tố, truy tố, tạm giam, đảng viên chính thức vắng mặt suốt thời gian đại hội có lý do chính đáng được cấp ủy triệu tập đại hội đồng ý.

3. Đối với đại hội đại biểu: Người trúng cử phải đạt số phiếu bầu quá một nửa so với tổng số đại biểu chính thức được triệu tập trừ số cấp ủy viên cấp triệu tập đại hội vắng mặt suốt thời gian đại hội, đại biểu chính thức vắng mặt suốt thời gian đại hội không có đại biểu dự khuyết thay thế.

4. Ở hội nghị cấp ủy để bầu ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, người trúng cử phải đạt số phiếu bầu quá một nửa so với tổng số cấp ủy viên trừ số thành viên đã chuyển sinh hoạt đảng tạm thời không có mặt tại hội nghị, số thành viên đang bị đình chỉ sinh hoạt, bị khởi tố, truy tố, tạm giam.

5. Trường hợp số người đạt số phiếu bầu quá một nửa nhiều hơn số lượng cần bầu thì những người trúng cử là những người có số phiếu cao hơn lấy từ trên xuống cho đến khi đủ số lượng cần bầu.

6. Nếu cuối danh sách trúng cử có nhiều người bằng phiếu nhau và nhiều hơn số lượng cần bầu, thì chủ tịch hoặc đoàn chủ tịch đại hội (hội nghị) lập danh sách những người ngang phiếu nhau đó để đại hội (hội nghị) bầu lại và lấy người có số phiếu cao hơn, không cần phải quá một nửa. Trường hợp bầu lại mà số phiếu vẫn bằng nhau, có bầu tiếp hay không do đại hội (hội nghị) quyết định.

Điều 31. Biên bản bầu cử

1. Biên bản bầu cử lập thành 3 bản có chữ ký của đồng chí thay mặt đoàn chủ tịch và trưởng ban kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu niêm phong phiếu bầu để đoàn chủ tịch giao cho cấp ủy khoá mới lưu trữ.

Đoàn chủ tịch giao lại biên bản bầu cử và phiếu bầu cho cấp ủy khoá mới để báo cáo cấp ủy cấp trên trực tiếp xem xét, chuẩn y.

2. Nội dung biên bản:

- Tổng số đại biểu hoặc tổng số đảng viên được triệu tập.
- Tổng số đại biểu dự đại hội đại biểu hoặc tổng số đảng viên dự đại hội đảng viên.

- Số đại biểu hoặc số đảng viên bị bác tư cách dự đại hội.
- Số cấp uỷ viên cấp triệu tập đại hội vắng mặt suốt thời gian đại hội.
- Số đại biểu chính thức vắng mặt không có đại biểu dự khuyết thay thế.
- Tổng số đại biểu dự đại hội đại biểu hoặc tổng số đảng viên dự đại hội đảng viên có mặt khi bầu.
- Số phiếu phát ra.
- Số phiếu thu về.
- Số phiếu hợp lệ.
- Số phiếu không hợp lệ.
- Số phiếu bầu đủ số lượng.
- Số phiếu bầu thiếu so với số lượng cần bầu (trong đó thiếu 1, thiếu 2...).
- Số phiếu được bầu từ cao xuống thấp của từng người trong danh sách bầu cử (tính theo tỉ lệ số đại biểu trong đại hội đại biểu hoặc đảng viên trong đại hội đảng viên được triệu tập).
- Danh sách những người trúng cử.

Điều 32. Chuẩn y kết quả bầu cử cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, bí thư, phó bí thư, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm và uỷ viên uỷ ban kiểm tra các cấp

Đối với tổ chức đảng từ cấp chi bộ đến các đảng bộ trực thuộc Trung ương, chậm nhất là 7 ngày làm việc sau đại hội (hội nghị), cấp uỷ khoá mới phải báo cáo lên cấp uỷ cấp trên trực tiếp biên bản bầu cử cấp uỷ, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, uỷ viên uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra, danh sách trích ngang, sơ yếu lý lịch của từng thành viên.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả bầu cử của cấp uỷ cấp dưới về kết quả bầu cử thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp (ở Trung ương là Bộ Chính trị, nơi có ban thường vụ thì uỷ nhiệm cho ban thường vụ) chuẩn y ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư; uỷ viên uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra cấp uỷ.

Sau khi có quyết định chuẩn y của cấp có thẩm quyền, thì các đồng chí phó bí thư, uỷ viên ban thường vụ, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra mới được ký tên với chức danh tương ứng trong các văn bản của đảng bộ và của uỷ ban kiểm tra.

Chương VI XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 33. Thẩm quyền, thủ tục giải quyết khiếu nại, vi phạm Quy chế bầu cử

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày bế mạc đại hội (hội nghị), nếu có đơn, thư khiếu nại về bầu cử, thì ủy ban kiểm tra của cấp ủy cấp trên trực tiếp có trách nhiệm xác minh, kiểm tra lại và báo cáo cấp ủy cùng cấp xem xét, quyết định.

2. Nếu phát hiện thấy có sự vi phạm nguyên tắc, thủ tục bầu cử thì cấp ủy cấp trên có quyền bãi bỏ kết quả bầu cử của đại hội hoặc của hội nghị cấp ủy cấp dưới, chỉ đạo đại hội (hội nghị) tiến hành bầu cử lại; trường hợp cá nhân đã được bầu vào cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp dưới nhưng không bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định, cấp ủy cấp trên có quyền không chuẩn y công nhận cấp ủy viên hoặc ủy viên ủy ban kiểm tra cấp đó.

Điều 34. Xử lý vi phạm quy chế bầu cử

Người cố tình gây cản trở cho việc bầu cử, vi phạm quy chế bầu cử, thì cấp ủy có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định về kỷ luật trong Đảng.

Điều 35. Thời hạn lưu trữ phiếu bầu cử

Phiếu bầu cử được ban kiểm phiếu niêm phong và chuyển cho đoàn chủ tịch để bàn giao cho cấp ủy lưu trữ trong thời hạn 6 tháng. Trong thời gian này, nếu không có quyết định của cấp có thẩm quyền, không ai được tự ý mở niêm phong.

Quá 6 tháng, nếu không có khiếu nại, tố cáo về kết quả bầu cử thì cấp ủy cùng cấp quyết định cho hủy số phiếu đó.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này thay thế Quy chế bầu cử trong Đảng được ban hành kèm theo Quyết định số 244-QĐ/TW, ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI; được phổ biến đến chi bộ và thực hiện thống nhất trong Đảng.

2. Những quy định về bầu cử trong Đảng trước đây trái với Quy chế này đều bị bãi bỏ.

3. Ban Bí thư hướng dẫn cụ thể việc thực hiện Quy chế này.



TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG
BAN TỔ CHỨC

*

Số 1000 - TTTr/BTCTU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Lâm Đồng, ngày 31 tháng 10 năm 2024

TỜ TRÌNH

Dự thảo Quy định về kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm và cuối nhiệm kỳ đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị

Kính gửi: Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Thực hiện Quy định số 24-QĐ/TW, ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về thi hành Điều lệ Đảng; đề khắc phục các hạn chế, bất cập trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo việc kiểm điểm hằng năm và bổ sung một số nội dung liên quan đến việc lãnh đạo, chỉ đạo và trách nhiệm của tập thể, cá nhân theo Chỉ thị số 34-CT/TU ngày 20/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Đồng thời, đề siết lại một số tiêu chí, gắn trách nhiệm của người đứng đầu (các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị) để đưa việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại ngày càng đi vào thực chất hơn. Cụ thể:

1. Bổ sung yêu cầu, nguyên tắc trong kiểm điểm, gắn trách nhiệm người đứng đầu: Chịu trách nhiệm về chất lượng kiểm điểm, mức xếp loại đối với cấp mình và chất lượng, mức xếp loại của các tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý.
2. Bổ sung nội dung kiểm điểm; nội dung đánh giá gắn với kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TU ngày 20/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
3. Bổ sung rõ hơn trách nhiệm và thẩm quyền trong kiểm điểm, đánh giá, xếp loại.
4. Bổ sung làm rõ hơn một số tiêu chí, mức xếp loại gắn với thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TU ngày 20/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
5. Bổ sung toàn bộ nội dung về kiểm điểm tập thể, cá nhân trong nhiệm kỳ 2020-2025 theo Quy định số 24-QĐ/TW của Ban chấp hành Trung ương khóa XIII.
6. Diễn đạt rõ hơn về một số nội dung, câu chữ trong Quy định cho rõ, phù hợp.
7. Bổ sung mới 03 biểu mẫu; sửa đổi 04 biểu mẫu. Lý do: Cho rõ, sát nội dung và khắc phục một số nội dung trùng lặp.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy kính trình Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, chỉ đạo (có dự thảo Quy định kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm và cuối nhiệm kỳ đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị gửi kèm theo).

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lãnh đạo Ban,
- Phòng TCĐ-ĐV,
- Lưu Văn phòng BTCTU.

TRƯỞNG BAN




Nguyễn Trọng Ánh Đông

Dự thảo

QUY ĐỊNH

**về việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm
và cuối nhiệm kỳ đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị**

-
- Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy định, Hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng;
 - Căn cứ Quy định số 124-QĐ/TW, ngày 04/10/2023 của Bộ Chính trị về việc kiểm điểm đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị;
 - Căn cứ Hướng dẫn số 25-HD/BTCTW, ngày 10/11/2023 của Ban Tổ chức Trung ương một số nội dung về kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị;
 - Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy khóa XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định về kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm và cuối nhiệm kỳ đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về mục đích, yêu cầu, nguyên tắc, nội dung cơ bản việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm và cuối nhiệm kỳ.
2. Đối tượng áp dụng là cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, quản lý, tổ chức, cơ quan, đơn vị (gọi tắt là tập thể) và cá nhân trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

1. Nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình, tự soi, tự sửa, phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế, khuyết điểm; chủ động phát hiện, ngăn chặn biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, đùn đẩy, né tránh, sợ trách nhiệm... góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, xây dựng Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh.
2. Việc lãnh đạo, chỉ đạo kiểm điểm và đánh giá, xếp loại, khen thưởng tập thể, cá nhân được tiến hành nghiêm túc, đảm bảo đúng mục đích, yêu cầu, quan điểm, nguyên tắc, đối tượng, nội dung, phương pháp thực hiện theo Quy định, Hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh; đảm bảo chặt chẽ, thực chất, không chạy theo thành tích, số lượng, nói thẳng vào sự thật; tập trung kiểm điểm, phân tích, làm rõ việc khắc phục hạn chế, khuyết điểm, vi phạm qua kết luận của các cơ quan chức năng, các đoàn kiểm tra, thanh tra đã chỉ ra; đánh giá rõ kết quả thực hiện nhiệm vụ bằng sản phẩm cụ thể, gắn với thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TU, ngày 20/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát huy tinh thần trách nhiệm, sự năng động, sáng tạo,

dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung của đội ngũ cán bộ, đảng viên, quyết tâm hoàn thành thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; gắn với với các phong trào thi đua cao điểm do Tỉnh ủy, UBND tỉnh phát động.

3. Người đứng đầu cấp ủy, tập thể lãnh đạo, quản lý chịu trách nhiệm về chất lượng kiểm điểm, mức xếp loại đối với cấp mình và chất lượng, mức xếp loại của các tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý.

4. Sau khi có kết quả kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng, phải xây dựng kế hoạch, xác định rõ lộ trình, các giải pháp khắc phục, phân công lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc khắc phục khuyết điểm, hạn chế.

Điều 3. Quan điểm, nguyên tắc

1. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng; thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; giữ vững sự đoàn kết, thống nhất; đúng thẩm quyền, trách nhiệm.

2. Chú trọng kiểm điểm, phân tích sâu về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, trách nhiệm, phương pháp trong thực hiện nhiệm vụ, nhất là hiệu quả công việc. Gắn trách nhiệm cá nhân với tập thể; gắn kết quả của người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý với kết quả của địa phương, cơ quan, đơn vị. Tăng cường kiểm tra, giám sát, bảo đảm thực hiện thống nhất, đồng bộ trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở.

3. Tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu phải tự chịu trách nhiệm về thẩm quyền, nội dung kiểm điểm và mức đánh giá, xếp loại.

4. Kết hợp chặt chẽ kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động,... với đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên.

Điều 4. Căn cứ kiểm điểm, đánh giá, xếp loại

1. Điều lệ Đảng, nghị quyết, quy định của Đảng có liên quan.

2. Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và kết quả thực hiện nhiệm vụ của tập thể, cá nhân.

Chương II

Kiểm điểm tự phê bình và phê bình Tập thể lãnh đạo, quản lý và cá nhân

Điều 5. Đối tượng kiểm điểm hằng năm

1. Tập thể

1.1. Các cấp ủy, tổ chức đảng:

- a. Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
- b. Ban thường vụ thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy.
- c. Ban thường vụ đảng ủy cơ sở hoặc đảng ủy cơ sở (nơi không có ban thường vụ), chi ủy cơ sở.

1.2. Tập thể lãnh đạo, quản lý:

a. Cấp tỉnh

- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn.

- Tập thể lãnh đạo, quản lý các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy và đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy.

- Tập thể lãnh đạo, quản lý các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

b. Cấp huyện

- Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; ban thường vụ tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện.

- Tập thể lãnh đạo, quản lý các cơ quan tham mưu, giúp việc thành ủy, huyện ủy.

- Thường trực hội đồng nhân dân; tập thể lãnh đạo ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; các phòng, ban, ngành, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

- Đảng ủy bộ phận; chi ủy trực thuộc đảng ủy cơ sở; chi bộ trực thuộc đảng ủy bộ phận.

- Các đối tượng khác do ban thường vụ cấp ủy cấp huyện và tương đương quy định.

2. Cá nhân

2.1. Đảng viên trong toàn Đảng bộ (*trừ đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt đảng; đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng; đảng viên mới kết nạp chưa đủ 6 tháng*).

2.2. Cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

Điều 6. Đối tượng kiểm điểm và đánh giá, xếp loại cuối nhiệm kỳ đại hội Đảng các cấp theo Quy định của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng

1. Tập thể: Các cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp, đảng đoàn, ban cán sự đảng.

2. Cá nhân: Cấp ủy viên các cấp, ủy viên ban thường vụ cấp ủy, ủy viên ủy ban kiểm tra các cấp, ủy viên đảng đoàn, ban cán sự đảng, lãnh đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy các cấp.

Điều 7. Nội dung kiểm điểm

Nội dung kiểm điểm tập trung làm rõ những kết quả đạt được, khuyết điểm, hạn chế, yếu kém và nguyên nhân; giải pháp và thời gian khắc phục trong năm kiểm điểm và đánh giá, xếp loại cuối nhiệm kỳ đại hội Đảng các cấp theo Quy định của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng.

1. Cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, quản lý hằng năm

1.1. Việc chấp hành nguyên tắc tổ chức và hoạt động, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; thực hiện quy chế làm việc.

1.2. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ được đề ra trong nghị quyết đại hội, kế hoạch, chương trình công tác năm được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt; mô hình mới, cách làm sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền công nhận (*nếu có*).

1.3. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; năng lực, trách nhiệm của tập thể lãnh đạo, quản lý; trách nhiệm nêu gương; trách nhiệm giải trình; công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân.

1.4. Trách nhiệm của tập thể lãnh đạo, quản lý trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, tổ chức, cơ quan, đơn vị.

1.5. Những vấn đề được gợi ý kiểm điểm; việc khắc phục những hạn chế, khuyết điểm được cấp có thẩm quyền kết luận và được chỉ ra ở kỳ kiểm điểm trước (nếu có).

2. Các cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp, đảng đoàn, ban cán sự đảng cuối nhiệm kỳ đại hội Đảng

2.1. Việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, hướng dẫn, kết luận của Đảng, của cấp ủy cấp trên; việc đề ra và kết quả tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị, quy định, hướng dẫn, kết luận của cấp mình; về xây dựng và thực hiện quy chế làm việc; về xây dựng nội bộ đoàn kết, trong sạch, vững mạnh; về quản lý tài chính ngân sách, quản lý đất đai và lĩnh vực có liên quan; về lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng và giải quyết khiếu nại, tố cáo nhiệm kỳ 2020 - 2025.

2.2. Báo cáo kiểm điểm phải có tính chiến đấu, nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình; đánh giá đúng, khách quan, toàn diện, trung thực về kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện trong nhiệm kỳ 2020 - 2025; kết quả thực hiện các nghị quyết, kết luận Hội nghị Trung ương 4 khóa XI, XII, XIII gắn với việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Quy định những điều đảng viên không được làm và các quy định nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu; chỉ rõ nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan của những hạn chế, khuyết điểm, yếu kém và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân; đồng thời phải đề ra kế hoạch, lộ trình, biện pháp hiệu quả nhằm sửa chữa, khắc phục trong nhiệm kỳ 2025 - 2030.

3. Cá nhân trong năm đánh giá

3.1. Cá nhân không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý

a. Về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; tinh thần đoàn kết, phối hợp, thống nhất trong nội bộ; ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm nêu gương, việc thực hiện những điều đảng viên không được làm; tác phong, lề lối làm việc. Liên hệ các biểu hiện về suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

b. Việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao trong năm; mô hình mới, cách làm sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền công nhận (nếu có).

c. Việc thực hiện cam kết tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu hằng năm.

d. Những vấn đề được gợi ý kiểm điểm; việc khắc phục những hạn chế, khuyết điểm được cấp có thẩm quyền kết luận và được chỉ ra ở kỳ kiểm điểm trước (nếu có).

3.2. Cá nhân giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý

Kiểm điểm nội dung tại Điểm 3.1 và các nội dung sau:

a. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành; thực hiện chức trách, nhiệm vụ; mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các tổ chức, cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý; khả năng quy tụ, xây dựng đoàn kết nội bộ.

b. Trách nhiệm trong công việc; tinh thần năng động, đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; xử lý những vấn đề khó, phức tạp, nhạy cảm trong thực hiện nhiệm vụ.

c. Việc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; sự tin nhiệm của cán bộ, đảng viên.

3.3. Ngoài những nội dung trên, cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu, cá nhân phải kiểm điểm làm rõ trách nhiệm khi có dấu hiệu vi phạm; đề xảy ra những vấn đề bức xúc, phức tạp, dư luận quan tâm; có nhiều đơn thư khiếu nại, tố cáo; biểu hiện mất đoàn kết nội bộ; vi phạm nguyên tắc, quy định của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; biểu hiện “lợi ích nhóm”, tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; có tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý bị kỷ luật, khởi tố; trì trệ, đùn đẩy, né tránh, yếu kém, không hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

4. Cá nhân trong cuối nhiệm kỳ đánh giá

Đi sâu kiểm điểm về trách nhiệm chính trị (*trách nhiệm trước Đảng, trước Nhân dân, trước cử tri, trước cơ quan, đơn vị, mức độ tin nhiệm...*), mức độ phấn đấu hoàn thành công việc được giao và những vấn đề khác có liên quan đến trách nhiệm cá nhân; về giữ gìn phẩm chất cá nhân (*tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, quan liêu*) và thực hiện các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Điều 8. Cách thức kiểm điểm

1. Chuẩn bị kiểm điểm

1.1. Người đứng đầu trực tiếp chỉ đạo chuẩn bị báo cáo kiểm điểm tập thể và lấy ý kiến tham gia, góp ý của các tập thể, cá nhân có liên quan (*nếu có*).

1.2. Cá nhân chuẩn bị bản tự kiểm điểm theo nội dung quy định.

1.3. Cấp trên gợi ý kiểm điểm đối với tập thể, cá nhân theo phân cấp quản lý khi cần thiết.

2. Nơi kiểm điểm

2.1. Cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, quản lý ở cấp nào thì thực hiện kiểm điểm tự phê bình và phê bình ở cấp đó.

2.2. Đảng viên kiểm điểm ở chi bộ nơi sinh hoạt.

2.3. Cán bộ lãnh đạo, quản lý cơ bản thực hiện kiểm điểm ở 2 nơi (*ở chi bộ nơi sinh hoạt và tập thể lãnh đạo, quản lý nơi làm việc*); đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên tại chi bộ; đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức ở nơi giữ chức vụ cao nhất. Đối với những cán bộ giữ nhiều chức vụ lãnh đạo, quản lý

ngoài kiểm điểm ở 2 nơi trên còn phải kiểm điểm thêm ở nơi mình là người đứng đầu theo quy định.

3. Trình tự kiểm điểm

3.1. Đối với kiểm điểm tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý: Kiểm điểm tập thể trước, cá nhân sau; người đứng đầu trước, cấp phó và các thành viên sau; tập thể lãnh đạo, quản lý của chính quyền, chuyên môn, đoàn thể trước, cấp ủy, tổ chức đảng sau.

3.2. Đối với đảng viên giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: Ngoài kiểm điểm ở Điểm 3.1, kiểm điểm ở chi bộ trước, ở tập thể lãnh đạo, quản lý cao nhất sau.

3.3. Kiểm điểm, đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân hằng năm trước; kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết đại hội nhiệm kỳ 2020 - 2025 sau.

Điều 9. Trách nhiệm, thẩm quyền trong kiểm điểm

1. Đối với cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu

1.1. Lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn việc tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm điểm hằng năm tại địa phương, tổ chức, cơ quan, đơn vị mình và kết quả kiểm điểm của các tập thể, cá nhân trong phạm vi quản lý.

1.2. Yêu cầu bổ sung các nội dung kiểm điểm đối với tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý khi cần thiết.

1.3. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch khắc phục hạn chế, yếu kém, khuyết điểm sau kiểm điểm.

2. Đối với cá nhân

2.1. Phát huy tinh thần tự phê bình và phê bình, nêu cao trách nhiệm, sự gương mẫu trong kiểm điểm.

2.2. Kiểm điểm trung thực, thẳng thắn, khách quan, thực chất các nội dung theo quy định, chịu trách nhiệm về kết quả tự kiểm điểm, nhận mức xếp loại.

3. Cấp ủy cấp trên trực tiếp, nhất là người đứng đầu có trách nhiệm chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, thẩm định kết quả kiểm điểm của cấp dưới theo phân cấp quản lý cán bộ; kịp thời gợi ý kiểm điểm đối với tổ chức, cá nhân có liên quan; yêu cầu cấp dưới, người đứng đầu kiểm điểm lại khi chưa bảo đảm nội dung yêu cầu theo quy định.

Chương III

ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG TẬP THỂ, CÁ NHÂN

Điều 10. Đối tượng đánh giá, xếp loại

1. Tập thể

1.1. Tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị:

a. Đảng bộ tỉnh.

b. Đảng bộ cấp huyện và tương đương; đảng bộ cơ sở, chi bộ cơ sở, chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở.

c. Các tổ chức, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

1.2. Tập thể lãnh đạo, quản lý:

Các đối tượng kiểm điểm được quy định tại Điều 5, Điều 6 Quy định này.

2. Cá nhân

2.1. Các đối tượng kiểm điểm được quy định tại Điều 5, Điều 6 Quy định này.

2.2. Các đối tượng khác do tổ chức, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quyết định.

Điều 11. Khung tiêu chí đánh giá

1. Đối với tập thể

1.1. Các tiêu chí về xây dựng tập thể, gồm:

a. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị; củng cố, xây dựng tổ chức đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

b. Năng lực lãnh đạo của cấp ủy; công tác lãnh đạo chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; các mối quan hệ công tác.

c. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và kỷ luật; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

d. Việc thực hiện nguyên tắc tổ chức hoạt động, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; thực hiện các quy định, quy chế, nội quy và chế độ làm việc.

đ. Công tác phối hợp giữa cấp ủy và tập thể lãnh đạo; việc xây dựng đoàn kết, thống nhất trong nội bộ.

e. Về trách nhiệm của tập thể lãnh đạo, quản lý trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ chính trị; công tác cán bộ, xây dựng tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cải cách hành chính và xây dựng cơ quan, đơn vị trong sạch, vững mạnh.

1.2. Các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm, gồm:

a. Việc cụ thể hóa, xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác năm.

b. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ được đề ra theo nghị quyết đại hội, nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác do cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt và của cấp mình đề ra trong năm về phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong năm (*lượng hóa bằng sản phẩm cụ thể*). Kết quả thực hiện mô hình mới, cách làm sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ ở cơ quan, địa phương, đơn vị (*nếu có*).

c. Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng các tập thể, cá nhân có liên quan trực tiếp; các chỉ số đánh giá, xếp hạng đối với địa phương, tổ chức, cơ quan, đơn vị (*nếu có*).

1.3. Kết quả khắc phục hạn chế, yếu kém, khuyết điểm đã được chỉ ra.

(theo Mẫu số 01: KĐ,ĐG,XL; Mẫu số 02: KĐ,ĐG,XL; Mẫu số 05-KĐ,2020-2025; Mẫu số 06-KĐ,2020-2025).

2. Đối với cá nhân

2.1. Các tiêu chí về chính trị, tư tưởng; phẩm chất đạo đức, lối sống; ý thức tổ chức kỷ luật; chấp hành sự phân công của tổ chức; thực hiện quy định những điều đảng

viên không được làm; trách nhiệm, tác phong, lễ lối, phương pháp làm việc; công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; giữ gìn đoàn kết nội bộ; mức độ thực hiện cam kết tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu hằng năm.

2.2. Các tiêu chí về kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao trong năm (*lượng hóa bằng sản phẩm cụ thể*); năng lực, uy tín; trách nhiệm nêu gương, sự gương mẫu của bản thân và gia đình; giữ mối liên hệ mật thiết, gắn bó với quần chúng nhân dân. Tinh thần năng động, đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; xử lý những vấn đề khó, phức tạp, nhạy cảm trong thực hiện nhiệm vụ (*nếu có*).

2.3. Kết quả khắc phục hạn chế, yếu kém, khuyết điểm đã được chỉ ra.

3. Đối với cá nhân là cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý: Đánh giá theo tiêu chí chức danh trong Quy định của Ban Thường vụ và phân cấp quản lý cán bộ.

(theo Mẫu số 03: KĐ,ĐG,XL; theo Mẫu số 04: KĐ,ĐG,XL; Mẫu số 07, KĐ-2020-2025).

Điều 12. Phương pháp, quy trình đánh giá, xếp loại

1. Căn cứ các tiêu chí đánh giá, tiêu chuẩn mức xếp loại chất lượng được quy định cụ thể cho từng tập thể, cá nhân và ý kiến của các cơ quan liên quan tham gia đánh giá (*nếu có*), xác định mức độ đạt được của từng tiêu chí theo 4 cấp độ (*Xuất sắc, Tốt, Trung bình, Kém*), làm cơ sở để cấp có thẩm quyền nhận xét, đánh giá và xếp loại chất lượng đối với mỗi tập thể, cá nhân.

2. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân thực hiện theo 03 bước:

- *Bước 1:* Tập thể, cá nhân tự đánh giá, xếp loại

Căn cứ tiêu chí xếp loại, các tổ chức, tập thể, cá nhân tự phân tích chất lượng và xếp loại vào 1 trong 4 mức theo Điều 13, Điều 14 Quy định này.

- *Bước 2:* Thẩm định và đề xuất mức xếp loại

Trên cơ sở kết quả tự đánh giá, xếp loại của tập thể, cá nhân và ý kiến tham gia của cơ quan có liên quan (*nếu có*), cơ quan tham mưu về công tác tổ chức cán bộ, chi ủy hoặc chi bộ nơi không có chi ủy (*đối với việc đánh giá, xếp loại đảng viên*) thẩm định và đề xuất mức xếp loại chất lượng.

- *Bước 3:* Cấp có thẩm quyền quyết định xếp loại chất lượng

Đối với những tập thể, cá nhân sau khi có kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng nếu có đơn thư khiếu nại, tố cáo, có dấu hiệu vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật Nhà nước, mất đoàn kết nội bộ thì cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ đạo kiểm tra, xác minh, thẩm định, xem xét lại kết quả đánh giá, xếp loại.

3. Đánh giá, xếp loại hoạt động của chính quyền, công tác chuyên môn, đoàn thể trước, tổ chức đảng sau; tập thể cấp dưới trước, cấp trên sau; tập thể lãnh đạo, quản lý trước, cá nhân thành viên sau.

- Sau khi hoàn thành đánh giá, xếp loại các địa phương, tổ chức, cơ quan, đơn vị thì đánh giá, xếp loại đối với người đứng đầu.

- Thực hiện thống nhất việc đánh giá, xếp loại đối với tổ chức, tập thể lãnh đạo, quản lý từ cấp cơ sở đến cấp tỉnh, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy.

Điều 13. Tiêu chí xếp loại hằng năm

Xếp loại chất lượng theo 4 mức như sau:

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

Là tập thể, cá nhân có nhiều thành tích nổi bật; là điển hình để các tập thể, cá nhân khác học tập, noi theo; các tiêu chí đánh giá đều đạt "Tốt" trở lên; trong đó, những tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm (đối với tập thể), kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao trong năm (đối với cá nhân) đều được đánh giá đạt "Xuất sắc" bằng sản phẩm cụ thể; mô hình mới, cách làm sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền công nhận (nếu có - trừ chi bộ, đảng viên ở thôn, tổ dân phố, sinh viên, học sinh, doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước).

1.1. Đối với tập thể: Không có tổ chức trực thuộc hoặc thành viên của tập thể lãnh đạo, quản lý bị kỷ luật.

1.2. Đối với cá nhân: Hoàn thành 100% chỉ tiêu, nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc được giao đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng, hiệu quả; trong đó, có ít nhất 50% chỉ tiêu, nhiệm vụ hoàn thành vượt mức; không có biểu hiện đùn đẩy, né tránh, sợ trách nhiệm.

1.3. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý: Ngoài các tiêu chuẩn chung, phải thực sự gương mẫu về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong, lễ l貌, phương pháp làm việc, ý thức tổ chức kỷ luật. Cấp ủy, địa phương, cơ quan, đơn vị, bộ phận, lĩnh vực mà mình trực tiếp lãnh đạo, quản lý hoàn thành tất cả các chỉ tiêu, nhiệm vụ, trong đó có ít nhất 50% chỉ tiêu (nhiệm vụ) cơ bản hoàn thành vượt mức. Có 100% cơ quan, đơn vị thuộc quyền lãnh đạo, quản lý trực tiếp được xếp loại "Hoàn thành nhiệm vụ" trở lên; trong đó, có ít nhất 70% số đơn vị xếp loại "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" trở lên.

1.4. Số lượng tập thể, cá nhân được xếp loại "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" không vượt quá 20% số được xếp loại "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" theo từng nhóm đối tượng có vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ tương đồng.

Số tỷ lệ 20% đảng viên được xếp loại "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" được chia tỷ lệ như sau:

- Đảng viên sinh hoạt tại đảng bộ, chi bộ cơ sở các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Đảng viên trong tập thể lãnh đạo, quản lý không quá 50%/tổng số lãnh đạo hiện có; đảng viên là lãnh đạo, quản lý ở các phòng, đơn vị trực thuộc không quá 30%/tổng số lãnh đạo hiện có; còn lại là đảng viên không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

- Đảng viên sinh hoạt tại đảng bộ, chi bộ các cơ quan, phòng, ban, ngành cấp huyện; đảng viên sinh hoạt tại các chi bộ thuộc loại hình hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp (trừ doanh nghiệp tư nhân): Đảng viên là lãnh đạo, quản lý không quá 50%/tổng số lãnh đạo hiện có; số còn lại là đảng viên không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

(Không áp dụng tỷ lệ này đối với đảng viên đang sinh hoạt tại chi bộ thôn, tổ dân phố; đảng viên đang sinh hoạt tại đảng bộ, chi bộ loại hình doanh nghiệp tư nhân).

- Đảng viên ở các loại hình khác do ban thường vụ cấp ủy cấp trên cơ sở xem xét, quyết định.

2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ

Là tập thể, cá nhân có các tiêu chí được đánh giá đạt “*Trung bình*” trở lên; trong đó, những tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm (*đối với tập thể*), kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao trong năm (*đối với cá nhân*) đều được đánh giá đạt “*Tốt*” trở lên bằng sản phẩm cụ thể.

2.1. *Đối với tập thể*: Không có tổ chức trực thuộc hoặc thành viên của tập thể lãnh đạo, quản lý bị kỷ luật (*trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả*).

2.2. *Đối với cá nhân*: Hoàn thành 100% chỉ tiêu, nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc được giao đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

2.3. *Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý*: Ngoài các tiêu chuẩn chung, phải gương mẫu về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong lễ lới, phương pháp làm việc, ý thức tổ chức kỷ luật. Địa phương, cơ quan, đơn vị, bộ phận, lĩnh vực mà mình trực tiếp phụ trách hoàn thành tất cả các chỉ tiêu, nhiệm vụ, trong đó có ít nhất 80% số lượng công việc được giao hoàn thành đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng. Có 100% cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền lãnh đạo, quản lý trực tiếp được xếp loại từ “*Hoàn thành nhiệm vụ*” trở lên.

3. Hoàn thành nhiệm vụ

Là tập thể, cá nhân có các tiêu chí cơ bản được đánh giá đạt “*Trung bình*” trở lên bằng sản phẩm cụ thể.

3.1. *Đối với tập thể*: Có dưới 20% số đơn vị trực thuộc bị kỷ luật hoặc không có thành viên của tập thể lãnh đạo, quản lý bị kỷ luật (*trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả*).

3.2. *Đối với cá nhân*: Các nhiệm vụ được giao đều hoàn thành, trong đó có không quá 20% số tiêu chí chưa bảo đảm chất lượng, tiến độ.

3.3. *Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý*: Ngoài các tiêu chuẩn chung, phải gương mẫu về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong, lễ lới, phương pháp làm việc, ý thức tổ chức kỷ luật. Địa phương, cơ quan, đơn vị, bộ phận, lĩnh vực mà mình trực tiếp phụ trách hoàn thành trên 70% các chỉ tiêu, nhiệm vụ. Có ít nhất 70% số cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền lãnh đạo, quản lý trực tiếp được xếp loại “*Hoàn thành nhiệm vụ*”.

4. Không hoàn thành nhiệm vụ

Là các tập thể, cá nhân có các tiêu chí đánh giá ở mức “*Kém*” hoặc thuộc một trong các trường hợp sau:

4.1. Đối với tổ chức, cơ quan, đơn vị

a. Có đơn vị trực thuộc xảy ra vụ việc tham nhũng, lãng phí tiêu cực, hoặc các vi phạm khác bị xử lý kỷ luật theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước (*trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả*).

b. Chỉ hoàn thành dưới 50% số chỉ tiêu, nhiệm vụ theo nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt và của địa phương, tổ chức, cơ quan, đơn vị đề ra trong năm. Có một trong các chỉ tiêu chủ yếu không đạt theo kế hoạch, nội dung chỉ đạo trong năm (*trừ trường hợp bất khả kháng*).

c. Tập thể lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật hoặc có trên 20% số đơn vị trực thuộc bị kỷ luật trong năm.

4.2. Đối với tập thể lãnh đạo, quản lý

a. Bị cấp có thẩm quyền đánh giá, kết luận mất đoàn kết nội bộ; có thành viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "*tự diễn biến*", "*tự chuyển hóa*".

b. Chỉ hoàn thành dưới 50% số chỉ tiêu, nhiệm vụ theo nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt và của địa phương, tổ chức, cơ quan, đơn vị đề ra trong năm. Có một trong các chỉ tiêu chủ yếu không đạt theo kế hoạch, nội dung chỉ đạo trong năm (*trừ trường hợp bất khả kháng*).

c. Bị xử lý kỷ luật hoặc thành viên bị kỷ luật trong năm đánh giá (*trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả*).

4.3. Đối với cá nhân

a. Bị cấp có thẩm quyền kết luận có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "*tự diễn biến*", "*tự chuyển hóa*"; vi phạm những điều đảng viên không được làm; vi phạm trách nhiệm nêu gương, ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi công tác; có biểu hiện né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm.

b. Có trên 50% số tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm được đánh giá không hoàn thành. Có một trong các chỉ tiêu chủ yếu không đạt theo kế hoạch, nội dung chỉ đạo trong năm (*trừ trường hợp bất khả kháng*).

c. Có trên 50% số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu tín nhiệm theo quy định trong năm đánh giá.

d) Bị xử lý kỷ luật trong năm đánh giá (*trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả*).

4.4. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý: Địa phương, cơ quan, đơn vị, bộ phận, lĩnh vực mà mình trực tiếp phụ trách hoàn thành 70% trở xuống số chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao, đề ra hoặc xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ; hoặc cơ quan, đơn vị cá nhân thuộc quyền lãnh đạo, quản lý trực tiếp của mình liên quan đến tham nhũng, tiêu cực và bị xử lý kỷ luật theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước (*trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả*).

4.5. Trường hợp tập thể, cá nhân có khuyết điểm, vi phạm xảy ra từ năm trước, thời điểm trước nhưng đến thời điểm năm đánh giá, xếp loại mới bị cấp có thẩm quyền quyết định thi hành kỷ luật hoặc tập thể, cá nhân bị cấp có thẩm quyền quyết định tăng nặng hình thức kỷ luật trong năm đánh giá, xếp loại thì tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền căn cứ vào hình thức kỷ luật, nội dung, động cơ, tính chất, mức độ, hậu quả, nguyên nhân vi phạm, hoàn cảnh cụ thể để xem xét đánh giá, xếp loại lại tại thời điểm xảy ra khuyết điểm, vi phạm.

4.6. Trường hợp cá nhân có khuyết điểm, vi phạm xảy ra ở cơ quan, đơn vị cũ nhưng bị xử lý kỷ luật và thi hành kỷ luật ở cơ quan, đơn vị mới chuyển đến thì tính vào kết quả đánh giá, xếp loại của cơ quan, đơn vị cũ (*không quy trách nhiệm cho cơ quan, đơn vị mới*).

4.7. Trường hợp cá nhân có khuyết điểm, vi phạm xảy ra ở cả cơ quan, đơn vị cũ và cơ quan, đơn vị mới, bị xử lý kỷ luật và thi hành kỷ luật ở cơ quan, đơn vị cũ và cơ quan, đơn vị mới chuyển đến thì tính hình thức kỷ luật vào kết quả đánh giá, xếp loại theo thời điểm xác định hành vi vi phạm tại mỗi cơ quan, đơn vị.

Điều 14. Tiêu chí xếp loại nhiệm kỳ

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Có 04 năm trong nhiệm kỳ (*năm 2021, 2022, 2023, 2024*) được đánh giá “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”.

2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Có từ 03 năm trong nhiệm kỳ được đánh giá “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên và không có năm nào bị xếp loại “Không hoàn thành nhiệm vụ”.

3. Hoàn thành nhiệm vụ: Có từ 03 năm trong nhiệm kỳ xếp loại mức “Hoàn thành nhiệm vụ” trở lên.

4. Không hoàn thành nhiệm vụ: Có từ 02 năm trong nhiệm kỳ trở lên xếp loại mức “Không hoàn thành nhiệm vụ”.

Điều 15. Trách nhiệm, thẩm quyền trong đánh giá, xếp loại

1. Cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, quản lý, trước hết là người đứng đầu địa phương, tổ chức, cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý.

2. Từng tập thể, cá nhân có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc việc tự đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm theo đúng quy định.

3. Cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định, kiểm tra, giám sát kết quả kiểm điểm, đánh giá, xếp loại; xem xét hủy bỏ, đánh giá, xếp loại lại kết quả kiểm điểm, đánh giá, xếp loại và chấn chỉnh, xử lý nghiêm đối với tập thể, cá nhân có liên quan vi phạm quy định về kiểm điểm, đánh giá, xếp loại cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện

1. Căn cứ Quy định của Bộ Chính trị, Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và Quy định này, các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy thực hiện tốt một số nội dung sau:

- Chủ động xây dựng kế hoạch kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân ở cấp mình; đồng thời, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện ở cấp cơ sở, bảo đảm đúng mục đích, yêu cầu, tiến độ đề ra. Nội dung kiểm điểm, đánh giá, xếp loại cần bám sát các quy định, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh.

- Những nơi có biểu hiện mất đoàn kết, vi phạm nguyên tắc, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, biểu hiện lợi ích nhóm, tham nhũng, tiêu cực, dư luận bức xúc, có biểu hiện suy thoái, “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*”,

thì cấp ủy phải kịp thời xem xét, gợi ý, chỉ đạo kiểm điểm làm rõ trách nhiệm, chấn chỉnh, xử lý và xây dựng kế hoạch sửa chữa, khắc phục ngay; đồng thời, chú trọng kiểm tra, giám sát việc sửa chữa, khắc phục khuyết điểm của cấp ủy cấp dưới và tổ chức, cá nhân có liên quan; kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm người đứng đầu và tập thể, cá nhân thực hiện không đúng quy định.

- Chỉ đạo chính quyền (*cơ quan, đơn vị*), Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức, cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức hằng năm, đảm bảo hiệu quả, thực chất.

2. Thời điểm thực hiện việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân được tiến hành vào dịp cuối năm, cuối nhiệm kỳ và hoàn thành trước khi tổng kết công tác năm, tổng kết nhiệm kỳ của tổ chức, cơ quan, đơn vị. Đối với những ngành, lĩnh vực có tính chất, đặc điểm riêng thực hiện theo hướng dẫn của Trung ương.

Thời gian kiểm điểm, đánh giá xếp loại: Cấp ủy cơ sở; tập thể lãnh đạo, quản lý kiểm điểm ít nhất 1/2 ngày, hoàn thành trước ngày **15/12** hằng năm; Ban thường vụ cấp ủy cấp trên cơ sở kiểm điểm ít nhất 1,5 ngày (*Riêng Đảng ủy: Công an tỉnh, Quân sự tỉnh, Khối các cơ quan tỉnh, Khối doanh nghiệp tỉnh không quá 01 ngày*). Đối với những nơi Ban Thường vụ Tỉnh ủy gợi ý kiểm điểm thì thời gian kiểm điểm từ 1,5 đến 02 ngày, hoàn thành trước ngày **20/12** hằng năm. Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm điểm ít nhất 02 ngày, hoàn thành trong tháng **01** năm sau.

3. Thời điểm thực hiện việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân cuối nhiệm kỳ: Báo cáo kết quả kiểm điểm tập thể cá nhân nhiệm kỳ 2020 - 2025 cấp tỉnh, cấp huyện về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy*), trước ngày **21/12/2024**. Riêng Ban Thường vụ Huyện ủy Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên thực hiện kiểm điểm, đánh giá, xếp loại năm 2024 và nhiệm kỳ xong trước ngày **20/11/2024**. Đối với đảng bộ cơ sở các xã, thị trấn; tổ chức cơ sở đảng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc huyện ủy thuộc diện sắp xếp, sáp nhập xong trước ngày **10/11/2024**.

- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bám sát nội dung để chỉ đạo các cấp ủy, địa bàn được phân công phụ trách và cơ quan, đơn vị, địa phương mình; nộp hồ sơ cá nhân (*Bản kiểm điểm cá nhân nhiệm kỳ 2020 - 2025*) về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy*), sau khi kết thúc kiểm điểm 03 ngày.

Điều 17. Thông báo và sử dụng kết quả

1. Kết quả kiểm điểm là cơ sở để thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm, cuối nhiệm kỳ của tập thể, cá nhân.

2. Nội dung nhận xét, đánh giá được thông báo tới đối tượng đánh giá và tập thể, cá nhân trực tiếp quản lý, sử dụng đối tượng đánh giá. Kết quả xếp loại chất lượng hằng năm, cuối nhiệm kỳ được công khai theo quy định.

3. Tập thể, cá nhân đã được xếp loại chất lượng, nhưng sau đó phát hiện có khuyết điểm, không bảo đảm tiêu chuẩn của mức xếp loại thì cấp có thẩm quyền xem xét hủy bỏ và xếp loại lại.

4. Kết quả kiểm điểm, đánh giá, xếp loại là căn cứ đề ra các nhiệm vụ, giải pháp phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế, khuyết điểm để củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, quản lý của các địa phương, tổ chức, cơ quan, đơn vị; là cơ sở để thực hiện các nội dung về công tác tổ chức, cán bộ, đánh giá người đứng đầu và các tập thể, cá nhân có vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ tương đồng; đồng thời, là cơ sở để bình xét thi đua, khen thưởng hằng năm, cuối nhiệm kỳ.

Điều 18. Việc bảo lưu ý kiến và khiếu nại, kiến nghị kết quả đánh giá, xếp loại

1. Các tập thể, cá nhân có quyền trình bày, bảo lưu ý kiến lên cấp trên trực tiếp những vấn đề, nội dung chưa đồng tình về kết quả đánh giá, xếp loại, nhưng phải chấp hành kết luận nhận xét, đánh giá, xếp loại của cấp có thẩm quyền.

2. Khi có khiếu nại, kiến nghị bằng văn bản về nội dung nhận xét, đánh giá và kết quả xếp loại thì cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại có trách nhiệm xem xét, kết luận và thông báo bằng văn bản đến tập thể, cá nhân khiếu nại, kiến nghị.

Điều 19. Quản lý hồ sơ

Hồ sơ được thể hiện bằng văn bản, lưu giữ tại cấp có thẩm quyền quản lý, gồm:

- Bản kiểm điểm cá nhân, báo cáo kiểm điểm tập thể (*hằng năm và cuối nhiệm kỳ*).

- Bản nhận xét của cấp ủy nơi cư trú (*đối với cá nhân*).

- Biên bản hội nghị kiểm điểm.

- Tổng hợp kết quả thẩm định của cơ quan chủ trì tham mưu, giúp việc.

- Kết luận đánh giá, kết quả xếp loại của cấp có thẩm quyền.

- Văn bản gợi ý kiểm điểm (*nếu có*).

- Văn bản tham gia, góp ý của các tổ chức, tập thể, cá nhân có liên quan (*nếu có*).

- Hồ sơ giải quyết khiếu nại, kiến nghị về kết quả đánh giá, xếp loại (*nếu có*).

- Các văn bản khác (*nếu có*).

Điều 20. Phân công thực hiện

1. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, sửa đổi, bổ sung ban hành các văn bản có liên quan về kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tổ chức, cơ quan, đơn vị, tập thể lãnh đạo, quản lý, cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước theo chỉ đạo của Chính phủ và phân cấp quản lý.

2. Đảng đoàn: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh và Ban Thường vụ Tỉnh đoàn chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành các văn bản hướng dẫn về kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm của tổ chức mình ở các cấp theo hướng dẫn của cấp trên.

3. Đảng ủy Quân sự tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản hướng dẫn sát với đặc điểm, yêu cầu, nhiệm vụ của các đơn vị trong lực lượng vũ trang, bảo đảm đúng quy định của Bộ Chính trị, Quy định của ngành dọc cấp trên và Quy định này.

4. Thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; ban cán sự đảng, đảng đoàn, tập thể lãnh đạo các cơ quan, đơn vị ở tỉnh tổ chức quán triệt, cụ thể hóa, triển khai thực hiện Quy định này. Chịu trách nhiệm cụ thể hóa cho phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương, cơ quan, đơn vị để kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc thực hiện nghiêm túc việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm và cuối nhiệm kỳ.

6. Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy: Hướng dẫn một số nội dung liên quan để thực hiện; phối hợp cùng Ủy Ban Kiểm tra Tỉnh ủy cử cán bộ dự, tổng hợp kết quả kiểm điểm ở các cấp ủy trực thuộc; dự, theo dõi, kiểm tra một số sở, ban, ngành, cấp ủy cơ sở (*khi có yêu cầu*); thẩm định kết quả kiểm điểm, đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân trước khi trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định theo phân cấp quản lý; chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và định kỳ hằng năm báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả kiểm điểm, đánh giá và việc thực hiện Quy định này.

7. Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy bám sát nội dung Quy định này để chỉ đạo kiểm điểm, đánh giá, xếp loại ở các địa bàn được phân công theo dõi và tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình; kiểm điểm tại chi bộ, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định; nộp hồ sơ cá nhân (*Bản kiểm điểm cá nhân; Kê khai tài sản thu nhập; Nhận xét nơi cư trú; Phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên, văn bản gợi ý kiểm điểm (nếu có)...*), kết luận đánh giá, kết quả xếp loại của cấp có thẩm quyền về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy*) sau khi kết thúc kiểm điểm 03 ngày.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký, thay thế Quy định số 26-QĐ/TU, ngày 03/11/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “*về đánh giá, xếp loại hằng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp*” và được phổ biến đến cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (báo cáo),
- Ban Tổ chức Trung ương (báo cáo),
- Vụ III - BTC Trung ương,
- Các ban của Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, BTV Tỉnh đoàn,
- Các sở, ban, ngành của tỉnh,
- Các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, TH3.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

Q. BÍ THƯ

Nguyễn Thái Học

CẤP ỦY CẤP TRÊN
ĐẢNG BỘ, CHI BỘ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

..... ngày..... tháng năm

Số *
-BC/.....

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện nhiệm vụ và đánh giá, xếp loại
đảng bộ, chi bộ năm.....**

Căn cứ nghị quyết lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, đảng bộ, chi bộ..... báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và đánh giá, xếp loại năm....., với các nội dung chủ yếu sau:

I. Ưu điểm, kết quả đạt được

1. Việc chấp hành nguyên tắc tổ chức hoạt động, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; thực hiện quy chế làm việc

Tự đánh giá về cấp độ thực hiện:

☐ Xuất sắc ☐ Tốt ☐ Trung bình ☐ Kém

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ được đề ra theo nghị quyết đại hội, nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác do cấp có thẩm quyền giao¹, phê duyệt và của cấp mình đề ra trong năm bằng sản phẩm cụ thể gắn với thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TU, ngày 20/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát huy tinh thần trách nhiệm, sự năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung của đội ngũ cán bộ, đảng viên, quyết tâm hoàn thành thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; mô hình mới, cách làm sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền công nhận (nếu có - trừ chi bộ ở thôn, tổ dân phố, sinh viên, học sinh, doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước).

Tự đánh giá về cấp độ thực hiện:

☐ Xuất sắc ☐ Tốt ☐ Trung bình ☐ Kém

3. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị; trách nhiệm nêu gương; chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới²; trách nhiệm giải trình; công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, và ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân.

Tự đánh giá về cấp độ thực hiện:

☐ Xuất sắc ☐ Tốt ☐ Trung bình ☐ Kém

¹ Riêng các huyện ủy, thành ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan, đánh giá sâu, kỹ trong lãnh đạo, chỉ đạo và kết quả thực hiện: (1) Thu ngân sách nhà nước; (2) Giải ngân vốn đầu tư công; (3) Công quản lý, bảo vệ rừng; (4) Công tác phát triển đảng viên; (5) Công tác chuẩn bị Đại hội Đảng các cấp.

² Quy định số 144-QĐ/TW ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị.

4. Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng các tổ chức đảng trực thuộc (số lượng, tỷ lệ % của từng mức xếp loại).

5. Kết quả xếp loại chất lượng Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội thuộc thẩm quyền quản lý (nếu có - số lượng, tỷ lệ % của từng tổ chức, từng mức xếp loại)

II. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

1. Hạn chế, khuyết điểm.

2. Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm.

III. Kết quả khắc phục hạn chế, khuyết điểm đã được cấp có thẩm quyền kết luận qua thanh tra, kiểm tra, giám sát trong năm hoặc chỉ ra trong kỳ kiểm điểm năm trước

Kiểm điểm rõ từng hạn chế, khuyết điểm (đã được khắc phục; đang khắc phục, mức độ khắc phục; chưa được khắc phục); những khó khăn, vướng mắc (nếu có); trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan.

Tự đánh giá về cấp độ thực hiện:

☐ Xuất sắc ☐ Tốt ☐ Trung bình ☐ Kém

IV. Giải trình những vấn đề được gợi ý kiểm điểm (nếu có)

V. Trách nhiệm của tập thể, cá nhân (cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy)

Về những hạn chế, khuyết điểm trong thực hiện nhiệm vụ chính trị; nguyên tắc tập trung dân chủ; các quy định, quy chế làm việc; công tác tổ chức, cán bộ; quản lý đảng viên; đổi mới phương thức lãnh đạo; các biện pháp đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; kết quả xử lý sai phạm đối với tập thể, cá nhân ...

VI. Phương hướng, biện pháp khắc phục hạn chế, khuyết điểm

VII. Đề nghị mức xếp loại chất lượng

- ☐ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- ☐ Hoàn thành tốt nhiệm vụ
- ☐ Hoàn thành nhiệm vụ
- ☐ Không hoàn thành nhiệm vụ

T/M

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CẤP TRÊN TRỰC TIẾP
TÊN TẬP THỂ

*

Số -BC/....

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

..... ngày....tháng.....năm.....

BÁO CÁO KIỂM ĐIỂM

**Kết quả thực hiện nhiệm vụ và đánh giá, xếp loại
tập thể lãnh đạo, quản lý và cơ quan, đơn vị năm.....**

Căn cứ kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ; tập thể....., cơ quan, đơn vị.... kiểm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ và đánh giá, xếp loại năm...., với các nội dung chủ yếu sau:

I. Ưu điểm, kết quả đạt được

1. Việc chấp hành và lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nguyên tắc tổ chức hoạt động, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; thực hiện quy chế làm việc

Tự đánh giá về cấp độ thực hiện:

☐ Xuất sắc ☐ Tốt ☐ Trung bình ☐ Kém

2. Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, phân công thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ được đề ra theo nghị quyết đại hội, nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác do cấp có thẩm quyền giao¹, phê duyệt và của cấp mình đề ra trong năm bằng sản phẩm cụ thể gắn với thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TU, ngày 20/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát huy tinh thần trách nhiệm, sự năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung của đội ngũ cán bộ, đảng viên, quyết tâm hoàn thành thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; mô hình mới, cách làm sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền công nhận (nếu có)

Tự đánh giá về cấp độ thực hiện:

☐ Xuất sắc ☐ Tốt ☐ Trung bình ☐ Kém

3. Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, phân công và thực hiện nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị; trách nhiệm nêu gương; chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới²; trách nhiệm giải trình; công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, và ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân.

Tự đánh giá về cấp độ thực hiện:

☐ Xuất sắc ☐ Tốt ☐ Trung bình ☐ Kém

¹ Riêng các huyện ủy, thành ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan, đánh giá sâu, kỹ trong lãnh đạo, chỉ đạo và kết quả thực hiện: (1) Thu ngân sách nhà nước; (2) Giải ngân vốn đầu tư công; (3) Công quản lý, bảo vệ rừng; (4) Công tác phát triển đảng viên; (5) Công tác chuẩn bị Đại hội Đảng các cấp.

² Quy định số 144-QĐ/TW ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị.

4. Trách nhiệm của tập thể lãnh đạo, quản lý, cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, tổ chức, cơ quan, đơn vị.

Tự đánh giá về cấp độ thực hiện:

☐ Xuất sắc ☐ Tốt ☐ Trung bình ☐ Kém

5. Kết quả đánh giá, xếp loại các tổ chức, cơ quan, đơn vị, phòng, ban ... thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý trực tiếp (*số lượng, tỷ lệ % của từng mức xếp loại*).

II. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

1. Hạn chế, khuyết điểm

2. Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm

III. Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo và khắc phục những hạn chế, khuyết điểm đã được cấp có thẩm quyền kết luận qua thanh tra, kiểm tra, giám sát trong năm hoặc được chỉ ra ở các kỳ kiểm điểm trước

Kiểm điểm rõ từng hạn chế, khuyết điểm (*đã được khắc phục; đang khắc phục, mức độ khắc phục; chưa được khắc phục*); những khó khăn, vướng mắc (*nếu có*); trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan; kết quả khắc phục hạn chế, khuyết điểm của tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý.

Tự đánh giá về cấp độ thực hiện:

☐ Xuất sắc ☐ Tốt ☐ Trung bình ☐ Kém

IV. Giải trình những vấn đề được gợi ý kiểm điểm (nếu có)

Giải trình từng vấn đề được gợi ý kiểm điểm, nêu nguyên nhân, xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân đối với từng vấn đề được gợi ý kiểm điểm

V. Trách nhiệm của tập thể, cá nhân

Về những hạn chế, khuyết điểm trong thực hiện nhiệm vụ chính trị; nguyên tắc tập trung dân chủ; các quy định, quy chế làm việc; công tác tổ chức, cán bộ; đổi mới phương thức lãnh đạo; các biện pháp đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; kết quả xử lý sai phạm đối với tập thể, cá nhân...

VI. Phương hướng, biện pháp khắc phục hạn chế, khuyết điểm

VII. Đề nghị mức xếp loại chất lượng

- ☐ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- ☐ Hoàn thành tốt nhiệm vụ
- ☐ Hoàn thành nhiệm vụ
- ☐ Không hoàn thành nhiệm vụ

T/M TẬP THỂ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẢNG BỘ.....
CHI BỘ.....

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
..... ngày....tháng....năm.....

BẢN KIỂM ĐIỂM CÁ NHÂN NĂM....
(không là lãnh đạo, quản lý)

Họ và tên:..... Ngày sinh:
Chức vụ Đảng:
Chức vụ chính quyền:
Chức vụ đoàn thể:
Đơn vị công tác:
Chi bộ

I. Ưu điểm, kết quả đạt được

1. Về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống; chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới¹; tinh thần đoàn kết, thống nhất trong nội bộ; ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm nêu gương, việc thực hiện những điều đảng viên không được làm; tác phong, lề lối làm việc; liên hệ các biểu hiện về suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”

Tự đánh giá về cấp độ thực hiện:

☐ Xuất sắc ☐ Tốt ☐ Trung bình ☐ Kém

2. Về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao trong năm bằng sản phẩm cụ thể gắn với thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TU, ngày 20/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát huy tinh thần trách nhiệm, sự năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung của đội ngũ cán bộ, đảng viên, quyết tâm hoàn thành thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; mô hình mới, cách làm sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền công nhận (nếu có - trừ đảng viên ở thôn, tổ dân phố, sinh viên, học sinh, doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước).

Tự đánh giá về cấp độ thực hiện:

☐ Xuất sắc ☐ Tốt ☐ Trung bình ☐ Kém

3. Việc thực hiện cam kết tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu hằng năm

Tự đánh giá về cấp độ thực hiện:

☐ Xuất sắc ☐ Tốt ☐ Trung bình ☐ Kém

II. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

1. Hạn chế, khuyết điểm.

2. Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm.

III. Kết quả khắc phục những hạn chế, khuyết điểm đã được cấp có thẩm quyền kết luận qua thanh tra, kiểm tra, giám sát trong năm hoặc được chỉ ra ở các kỳ kiểm điểm trước

Tự đánh giá về cấp độ thực hiện:

¹ Quy định số 144-QĐ/TW ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị.

- ☐ Xuất sắc ☐ Tốt ☐ Trung bình ☐ Kém

IV. Giải trình những vấn đề được gợi ý kiểm điểm (nếu có)

V. Làm rõ trách nhiệm của cá nhân đối với những hạn chế, khuyết điểm của tập thể (nếu có)

VI. Phương hướng, biện pháp khắc phục hạn chế, khuyết điểm

VII. Tự nhận mức xếp loại chất lượng

1. Xếp loại công chức, viên chức (đối với công chức, viên chức ...)

- ☐ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
☐ Hoàn thành tốt nhiệm vụ
☐ Hoàn thành nhiệm vụ
☐ Không hoàn thành nhiệm vụ

2. Xếp loại đảng viên

- ☐ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
☐ Hoàn thành tốt nhiệm vụ
☐ Hoàn thành nhiệm vụ
☐ Không hoàn thành nhiệm vụ

NGƯỜI TỰ KIỂM ĐIỂM

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức ...

Nhận xét, đánh giá của người quản lý, sử dụng công chức, viên chức.....

.....

Xếp loại chất lượng công chức, viên chức...:

.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Xác lập thời điểm, ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên

- Nhận xét, đánh giá của chi ủy:

- Chi bộ xếp loại mức chất lượng:

T/M CHI ỦY (CHI BỘ)

(Xác lập thời điểm, ký, ghi rõ họ tên)

Đảng ủy, chi ủy cơ sở xếp loại mức chất lượng:

.....

T/M ĐẢNG ỦY (CHI ỦY)

(Xác lập thời điểm, ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẢNG BỘ.....
CHI BỘ.....

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
..... ngày....tháng....năm.....

BẢN KIỂM ĐIỂM CÁ NHÂN NĂM
(dành cho cán bộ, lãnh đạo, quản lý các cấp)

Họ và tên:.....Ngày sinh:
Chức vụ Đảng:
Chức vụ chính quyền:
Chức vụ đoàn thể:
Đơn vị công tác:
Chi bộ

I. Ưu điểm, kết quả đạt được

1. Về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống; chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới¹; tinh thần đoàn kết, thống nhất trong nội bộ; ý thức tổ chức kỷ luật, việc thực hiện những điều đảng viên không được làm; tác phong, lề lối làm việc; liên hệ các biểu hiện về suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”

Tự đánh giá về cấp độ thực hiện:

☐ Xuất sắc ☐ Tốt ☐ Trung bình ☐ Kém

2. Về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao trong năm bằng sản phẩm cụ thể gắn với thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TU, ngày 20/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát huy tinh thần trách nhiệm, sự năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung của đội ngũ cán bộ, đảng viên, quyết tâm hoàn thành thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; mô hình mới, cách làm sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền công nhận (nếu có - trừ đảng viên ở thôn, tổ dân phố, sinh viên, học sinh, doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước).

Tự đánh giá về cấp độ thực hiện:

☐ Xuất sắc ☐ Tốt ☐ Trung bình ☐ Kém

3. Việc thực hiện cam kết tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu hằng năm

Tự đánh giá về cấp độ thực hiện:

☐ Xuất sắc ☐ Tốt ☐ Trung bình ☐ Kém

4. Kết quả lãnh đạo, quản lý, điều hành, trách nhiệm của cá nhân trong tham gia cùng tập thể lãnh đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị; công tác tổ chức, cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị; khả năng quy tụ, đoàn kết nội bộ.

Tự đánh giá về cấp độ thực hiện:

☐ Xuất sắc ☐ Tốt ☐ Trung bình ☐ Kém

5. Trách nhiệm trong công việc; tinh thần năng động, đổi mới, sáng tạo, dám

¹ Quy định số 144-QĐ/TW ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị.

ngiht, dám làm, dám chịu trách nhiệm; xử lý những vấn đề khó, phức tạp, nhạy cảm trong thực hiện nhiệm vụ.

Tự đánh giá về cấp độ thực hiện:

☐ Xuất sắc ☐ Tốt ☐ Trung bình ☐ Kém

6. Trách nhiệm nêu gương của bản thân và gia đình; đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, cơ hội, vụ lợi; việc kê khai tài sản, thu nhập theo quy định; sự tin nhiệm của cán bộ, đảng viên, quần chúng.

Tự đánh giá về cấp độ thực hiện:

☐ Xuất sắc ☐ Tốt ☐ Trung bình ☐ Kém

II. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

1. Hạn chế, khuyết điểm.

2. Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm.

III. Kết quả khắc phục những hạn chế, khuyết điểm đã được cấp có thẩm quyền kết luận qua thanh tra, kiểm tra, giám sát trong năm hoặc được chỉ ra ở các kỳ kiểm điểm trước

Kiểm điểm rõ từng hạn chế, khuyết điểm (*đã được khắc phục; đang khắc phục, mức độ khắc phục; chưa được khắc phục*); những khó khăn, vướng mắc (*nếu có*); trách nhiệm cá nhân.

Tự đánh giá về cấp độ thực hiện:

☐ Xuất sắc ☐ Tốt ☐ Trung bình ☐ Kém

IV. Giải trình những vấn đề được gợi ý kiểm điểm (*nếu có*)

Giải trình từng vấn đề được gợi ý kiểm điểm, nêu nguyên nhân, xác định trách nhiệm của cá nhân đối với từng vấn đề được gợi ý kiểm điểm.

V. Làm rõ trách nhiệm của cá nhân đối với những hạn chế, khuyết điểm của tập thể (*nếu có*)

VI. Phương hướng, biện pháp khắc phục hạn chế, khuyết điểm

VII. Tự nhận mức xếp loại chất lượng

1. Xếp loại cán bộ, lãnh đạo, quản lý

- ☐ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- ☐ Hoàn thành tốt nhiệm vụ
- ☐ Hoàn thành nhiệm vụ
- ☐ Không hoàn thành nhiệm vụ

2. Xếp loại đảng viên

- ☐ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- ☐ Hoàn thành tốt nhiệm vụ
- ☐ Hoàn thành nhiệm vụ
- ☐ Không hoàn thành nhiệm vụ

NGƯỜI TỰ KIỂM ĐIỂM

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ

Nhận xét, đánh giá của tập thể lãnh đạo, quản lý

.....

Xếp loại chất lượng.....

T/M TẬP THỂ

(Xác lập thời điểm, ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên

- Nhận xét, đánh giá của chi ủy:

- Chi bộ xếp loại mức chất lượng:

T/M CHI ỦY (CHI BỘ)

(Xác lập thời điểm, ký, ghi rõ họ tên)

Đảng ủy, chi ủy cơ sở xếp loại mức chất lượng:

.....

T/M ĐẢNG ỦY (CHI ỦY)

(Xác lập thời điểm, ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CẤP ỦY CẤP TRÊN
ĐẢNG BỘ, CHI BỘ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

..... ngày..... tháng năm

Số * -BC/.....

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện nhiệm vụ và đánh giá, xếp loại
đảng bộ, chi bộ cuối nhiệm kỳ 2020-2025**

(nêu tình hình, bối cảnh nhiệm kỳ 2020 - 2025, Đại hội Đảng bộ ...)

A. KIỂM ĐIỂM SỰ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA BAN CHẤP HÀNH, BAN THƯỜNG VỤ, THƯỜNG TRỰC CẤP ỦY

I. VỀ BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

1. Đối với tập thể Ban Chấp hành Đảng bộ

1.1. Về cụ thể hóa và triển khai thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng cấp trên và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ

- Lãnh đạo, chỉ đạo việc nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng cấp trên và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ ...; xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng cấp trên và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ ...

- Xây dựng, ban hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực cấp ủy; Chương trình công tác toàn khóa nhiệm kỳ 2020 - 2025 ...

1.2. Về lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu; đột phá; công trình trọng điểm.

- Kết quả thảo luận, cho ý kiến về tình hình kinh tế - xã hội, cho chủ trương và lãnh đạo, chỉ đạo tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đảm bảo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và nhiệm kỳ.

1.3. Về lãnh đạo công tác quốc phòng, an ninh

- Quán triệt, triển khai, cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương về công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

- Cho chủ trương lớn về các vấn đề liên quan đến công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại của địa phương.

- Chỉ đạo giải quyết các vấn đề phức tạp về quốc phòng, an ninh.

1.4. Về công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

- Lãnh đạo công tác nghiên cứu, quán triệt, triển khai, cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị, quy chế, quy định, kết luận của Trung ương về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị.

- Ban hành các văn bản và lãnh đạo triển khai xây dựng Đảng toàn diện vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ.

- Ban hành các nghị quyết và lãnh đạo triển khai thực hiện phát triển nguồn nhân lực. Lãnh đạo việc đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

1.5. Về lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật trong Đảng

- Lãnh đạo quán triệt các văn bản của Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật trong Đảng.

- Ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra cấp ủy; chương trình công tác kiểm tra, giám sát toàn khóa; thực hiện các nội dung về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng thuộc thẩm quyền của cấp ủy; sơ kết, tổng kết công tác kiểm tra, giám sát hàng năm và nhiệm kỳ.

- Chỉ đạo đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

1.6. Về lãnh đạo công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí

- Lãnh đạo quán triệt và triển khai thực hiện các chủ trương của Trung ương về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

- Chỉ đạo việc tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí trên cơ sở chỉ đạo tập trung thực hiện tốt các nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Đảng về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; phòng, chống suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, trách nhiệm nêu gương và các quy định kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ, công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán.

1.7. Về lãnh đạo chuẩn bị Đại hội Đảng, nhiệm kỳ 2025 - 2030

- Lãnh đạo thành lập và chỉ đạo hoạt động các tiểu ban, tổ biên tập, tổ giúp việc phục vụ Đại hội.

- Cho ý kiến đề ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo công tác Đại hội.

- Cho ý kiến về các văn kiện trình Đại hội.

- Giới thiệu và thực hiện các nội dung thuộc thẩm quyền về chuẩn bị nhân sự Đại hội.

2. Đối với các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ

2.1. Ưu điểm

- Về chính trị, tư tưởng, ý thức tổ chức kỷ luật.

- Trách nhiệm nêu gương về đạo đức, phong cách lãnh đạo, chỉ đạo, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

- Việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ lĩnh vực, địa bàn được giao quản lý, phụ trách.

- Trách nhiệm tham gia đóng góp ý kiến và quyết nghị các nghị quyết, chỉ thị, chủ trương lớn của Ban Chấp hành Đảng bộ.

2.2. Khuyết điểm

(Nêu các khuyết điểm, hạn chế đối với các nội dung tại mục 2.1)

II. BAN THƯỜNG VỤ, THƯỜNG TRỰC

1. Ưu điểm

1.1. Về cụ thể hóa và triển khai thực hiện Nghị quyết đại hội cấp trên và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ cấp mình

- Lãnh đạo việc nghiên cứu, học tập, quán triệt, phổ biến, triển khai, cụ thể hóa

Nghị quyết Đại hội cấp trên và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ cấp mình.

- Xây dựng chương trình làm việc, chương trình kiểm tra, giám sát hàng năm.
- Việc cụ thể hóa nghị quyết hàng năm của Ban Chấp hành về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, xây dựng Đảng, hệ thống chính trị.

2.2. Về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội

- Việc lựa chọn và ban hành các văn bản quan trọng chỉ đạo về phát triển kinh tế - xã hội theo Quy chế làm việc.

- Cụ thể hóa bằng chương trình, kế hoạch, tập trung lãnh đạo đảm bảo thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội.

- Lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội *(trong tình hình khó khăn, phức tạp, đặc biệt là đại dịch Covid-19 và việc phục hồi kinh tế sau đại dịch)*. Thu ngân sách, giải ngân vốn đầu tư công, thu hút đầu tư, phát triển các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quản lý, bảo vệ rừng, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; các công trình trọng điểm, dự án lớn của tỉnh.

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác quy hoạch.

- Lãnh đạo, chỉ đạo lĩnh vực văn hóa - xã hội, chính sách an sinh, phúc lợi xã hội, đối tượng chính sách, người có công. Công tác phòng, chống dịch.

2.3. Về lãnh đạo, chỉ đạo công tác quốc phòng, an ninh

- Lãnh đạo triển khai, cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh về quốc phòng, an ninh, đối ngoại phù hợp với tình hình của địa phương.

- Chỉ đạo thực hiện các nội dung, giải pháp tăng cường tiềm lực quốc phòng, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận quốc phòng toàn dân vững mạnh gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ; đảm bảo trật tự, an toàn xã hội; đấu tranh với các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động. Việc chỉ đạo xử lý các tình huống phức tạp, điểm nóng.

- Lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường sự lãnh đạo của Đảng xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân. Việc tăng cường an ninh ở cơ sở. Chỉ đạo thực hiện Đề án 06/CP của Chính phủ.

2.4. Về lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo; hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

- Lãnh đạo triển khai, cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng về công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo; hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Lãnh đạo đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Việc thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội.

- Phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và hệ thống chính trị; quyền làm chủ của nhân dân và chăm lo đời sống của nhân dân; thực hiện dân chủ ở cơ sở; công tác tiếp dân, đối thoại, giải quyết kiến nghị của nhân dân và xử lý những vấn đề bức xúc của nhân dân.

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các vấn đề liên quan đến dân tộc, tôn giáo.

2.5. Về lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị

- Ban hành các văn bản triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, kết luận của Trung ương về công tác xây dựng, chỉnh đốn đảng.

- Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, Kết luận 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII, Kết luận 01-KL/TW của Bộ Chính trị và các quy định về nêu gương; Quy định số 144-QĐ/TW ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới.

- Ban hành các văn bản cụ thể hóa và triển khai thực hiện công tác tổ chức, cán bộ. Lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, bổ sung quy hoạch; luân chuyển, điều động; công tác bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.

- Lãnh đạo, chỉ đạo việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế.

- Lãnh đạo thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên; nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, kết nạp đảng viên mới và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng; kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm.

- Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

- Lãnh đạo, chỉ đạo việc sơ kết, tổng kết, các Nghị quyết của Đảng.

2.6. Về lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật trong Đảng

- Nghiên cứu, quán triệt, cụ thể hóa các văn bản của Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng.

- Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật

- Hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng đối với công tác xây dựng đảng và việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ.

1.7. Về lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí

- Quán triệt, phổ biến và ban hành các văn bản để cụ thể hóa các chủ trương của Đảng về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

- Việc giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo, tiếp dân của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền.

- Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các giải pháp về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, nhất là việc phát hiện, xử lý kịp thời, đồng bộ các hành vi, thu hồi tài sản tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

- Lãnh đạo công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục, công khai kết quả xử lý tham nhũng, tiêu cực.

- Chất lượng giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, điều tra, truy tố, xét xử.

2. Khuyết điểm (nêu những hạn chế, khuyết điểm về các nội dung nêu trên)

B. KIỂM ĐIỂM VỀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO, PHONG CÁCH VÀ LỀ LỐI LÀM VIỆC

I. BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

1. Ưu điểm

- Việc thực hiện các nguyên tắc của Đảng, thực hiện quy chế làm việc và chương trình làm việc toàn khóa.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm, trí tuệ tập thể, từng đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành.

2. Khuyết điểm *(nêu những khuyết điểm đối với các nội dung nêu trên)*

II. BAN THƯỜNG VỤ, THƯỜNG TRỰC

1. Ưu điểm

- Đánh giá phẩm chất, đạo đức, bản lĩnh chính trị, tinh thần trách nhiệm, năng lực, hiệu quả công tác của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Thường trực.

- Tinh thần đoàn kết, việc thực hiện nguyên tắc, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc của tập thể Ban Thường vụ, Thường trực, cá nhân các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Thường trực.

- Việc chấp hành và triển khai thực hiện chương trình làm việc hàng năm, hàng quý, hàng tháng, hàng tuần, xử lý những vấn đề phát sinh; thực hiện chế độ báo cáo với Ban Thường vụ, Ban Chấp hành giữa 02 kỳ họp; kiểm điểm hàng năm và giữa nhiệm kỳ.

- Việc phân công, phân cấp trong giải quyết công việc giữa Ban Thường vụ và Thường trực cấp ủy, giữa tập thể và các đồng chí Thường trực, Ủy viên Ban Thường vụ. Trách nhiệm của Ban Thường vụ, Thường trực trong việc chuẩn bị nội dung trình Ban Chấp hành Đảng bộ.

- Đổi mới phong cách và lề lối, phương pháp làm việc để đảm bảo giải quyết hiệu quả công việc.

2. Khuyết điểm *(nêu những khuyết điểm đối với các nội dung nêu trên)*

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Đánh giá toàn diện về vai trò, trách nhiệm của tập thể Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ trong xây dựng mối đoàn kết, thống nhất, bám sát quan điểm, đường lối của Đảng để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết đại hội cấp trên và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ cấp mình.

- Việc thực hiện các nguyên tắc của Đảng, thực hiện quy chế làm việc.

- Khái quát kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, thành tựu nổi bật về kinh tế - xã hội, nhất là trong bối cảnh khó khăn, phức tạp của đại dịch Covid-19 và tình hình kinh tế thế giới và đất nước sau đại dịch; tình hình quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

- Đánh giá khái quát kết quả công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

- Nguyên nhân đạt được kết quả trên các lĩnh vực.

2. Hạn chế, khuyết điểm

- Hạn chế, khuyết điểm trong việc quán triệt, triển khai, cụ thể hóa các nghị quyết Trung ương, của tỉnh; lãnh đạo tổ chức thực hiện trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại; vấn đề nêu gương và suy thoái trong đội ngũ cán bộ, kể cả cán bộ chủ chốt, người đứng đầu cấp ủy.

- Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm.

II. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, thực hiện quy chế làm việc và các nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Trung ương, của tỉnh; quyết tâm chính trị, đổi mới, vận dụng linh hoạt, sáng tạo, nhạy bén, cụ thể hóa vào tình hình của Đảng bộ.

2. Những bài học rút ra trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

3. Những bài học rút ra trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng, an ninh.

4. Bài học trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

5. Việc phát huy dân chủ, nêu cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết cấp ủy viên, cán bộ chủ chốt, nhất là vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu; thực hiện phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực, kỷ luật, kỷ cương; công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, tự diễn biến, tự chuyển hóa; xây dựng đội ngũ cán bộ.

D. PHƯƠNG HƯỚNG KHẮC PHỤC NHỮNG HẠN CHẾ, KHUYẾT ĐIỂM

(Từ những hạn chế, khuyết điểm nêu trên, đề ra các kế hoạch, lộ trình, biện pháp hiệu quả nhằm sửa chữa, khắc phục trên từng lĩnh vực: Cụ thể hóa và triển khai thực hiện Nghị quyết đại hội của Đảng, của Đảng bộ tỉnh; lãnh đạo nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng đảng, hệ thống chính trị; đổi mới phương thức lãnh đạo, phong cách, lề lối làm việc).

E. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI

1. Năm 2021, 2022, 2023, 2024

2. Tự nhận mức xếp loại:

Nơi nhận:

T/M CẤP ỦY

.....

*** Ghi chú:**

- Giao ban thường vụ cấp ủy cấp trên cơ sở hướng dẫn báo cáo kiểm điểm cấp cơ sở cho phù hợp với từng loại hình tổ chức cơ sở đảng.

- Đảng ủy Công an tỉnh, Đảng ủy Quân sự tỉnh ngoài yêu cầu nêu trên, thực hiện theo tính chất, nhiệm vụ và đặc thù của từng cơ quan, đơn vị cho phù hợp.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

.....

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

....., ngày ... tháng ... năm 2024

BÁO CÁO

**Kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của ủy ban kiểm tra,
đảng đoàn, ban cán sự đảng**

(nêu tình hình, bối cảnh nhiệm kỳ 2020 - 2025, Đại hội Đảng bộ ...)

A. KIỂM ĐIỂM SỰ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

1. Việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, hướng dẫn, kết luận của Đảng, của cấp ủy cấp trên.
2. Việc đề ra và kết quả tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị, quy định, hướng dẫn, kết luận của cấp mình.
3. Về lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo.
4. Khuyết điểm *(nêu những khuyết điểm đối với các nội dung nêu trên)*

B. KIỂM ĐIỂM VỀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO, PHONG CÁCH VÀ LỀ LỐI LÀM VIỆC

1. Về xây dựng và thực hiện quy chế làm việc, quy chế phối hợp.
2. Về xây dựng nội bộ đoàn kết, trong sạch, vững mạnh.
3. Kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, Kết luận 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII, Kết luận 01-KL/TW của Bộ Chính trị và các quy định về nêu gương; Quy định số 144-QĐ/TW ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới.
4. Trách nhiệm của từng đồng chí ủy viên.
5. Khuyết điểm *(nêu những khuyết điểm đối với các nội dung nêu trên)*

C. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

D. PHƯƠNG HƯỚNG KHẮC PHỤC NHỮNG HẠN CHẾ, KHUYẾT ĐIỂM

E. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI

1. Năm 2021, 2022, 2023, 2024
2. Tự nhận mức xếp loại:

Nơi nhận:

T/M

~ ...

BAN CHẤP HÀNH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

....., ngày ... tháng ... năm 2024

*

BẢN KIỂM ĐIỂM CÁ NHÂN

(nhiệm kỳ 2020 - 2025)

Họ và tên:..... Ngày sinh:

Chức vụ Đảng:

Chức vụ chính quyền:

Chức vụ đoàn thể:

Đơn vị công tác:

Chi bộ

1. Trách nhiệm chính trị (trách nhiệm trước Đảng, trước Nhân dân, trước cử tri, trước cơ quan, đơn vị, mức độ tin nhiệm của cán bộ, đảng viên, quần chúng...)

2. Về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao (bằng kết quả, sản phẩm cụ thể); mô hình mới, cách làm sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ (nếu có)

3. Kết quả lãnh đạo, quản lý, điều hành, trách nhiệm của cá nhân trong tham gia cùng tập thể lãnh đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị; công tác tổ chức, cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị; khả năng quy tụ, đoàn kết nội bộ

4. Giữ gìn phẩm chất cá nhân: (trách nhiệm nêu gương của bản thân và gia đình; đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, cơ hội, vụ lợi; việc kê khai tài sản, thu nhập theo quy định).

5. Khuyết điểm, nguyên nhân

6. Phương hướng khắc phục

7. Kết quả đánh giá, xếp loại

7.1. Năm 2021, 2022, 2023, 2024

- Cán bộ:

- Đảng viên:

7.2. Tự nhận mức xếp loại nhiệm kỳ 2020 - 2025

- Cán bộ:

- Đảng viên:

7.3. Cấp ủy có thẩm quyền xếp loại nhiệm kỳ 2020 - 2025

- Cán bộ:

- Đảng viên:

Xác nhận của cấp ủy có thẩm quyền

Người viết bản kiểm điểm